

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.07.19

18:12

Group	G-22
Round	5
Board	1

WHITE: Filippova Milana									
BLACK: Nandiniigur Chinzorig									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	c4	g0	21	Ne5	74	41	Bd8	16	Bd7 33
2	Nf3	Ne6	22	c4	72	42	Bd1	15	f5 3a
3	Bb5	g6	23	Bc2	64	43	Bc2	14	f4 31
4	Bd4	Nf6	24	De1	65	44	Kd9	15	Kd4 31
5	O-O	Be7	25	Qc3	53	45	Bd1	5	Bc6 30
6	Re1	b5	26	Rd1	44	46	Be2	15	Bc8 39
7	Bb3	d6	27	Bd1	45	47	Bd3	15	h5 26
8	c3	O-O	28	Qe5	40	48	Bc2	15	hg 26
9	h3	Bb7	29	Be5	40	49	hg	16	Bc6 26
10	d4	Re8	30	f3	38	50	Bd1	16	Ke5 26
11	Nbd2	Bf8	31	Bc1	37	51	Be2	16	Be8 28
12	Q3	h6	32	Nf8	36	52	Bd3	16	Kd4 26
13	Bc2	Nb8	33	Ke3	36	53	Bc2	16	Be6 26
14	b3	Nbd7	34	Bd6	33	54	Bd1	16	Be8 27
15	Bb2	c6	35	KP4	33	55	Bc2	17	Bc6 27
16	Q4	Qc7	36	g4	32	56	Bd1	17	
17	Bd3	d5	37	He4	32	57			
18	de	Ne4	38	Bc2	17	58			
19	Ne4	de	39	Ke3	17	59			
20	Be4	Ne5	40	Bf5	17	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.07.19

18:12

Group	G-22
Round	5
Board	1

WHITE: Filippova Milana									
BLACK: Nandiniigur Chinzorig									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	c4	g0	21	Nxe5	Rxe5	41	Bc2	Bd7	
2	Nf3	Ne6	22	c4	Re6	42	Bd1	f5	
3	Bb5	g6	23	Bc2	Rxe1	43	Bc2	f4	
4	Bd4	Nf6	24	Qxe2	Qe7	44	Kd9	Kd4	
5	O-O	Be7	25	Qc3	Rd8	45	Bd1	Bc6	
6	Re1	b5	26	Rd1	Rxd1	46	Be2	Be8	
7	Bb3	d6	27	Bxd1	b4	47	Bd3	h5	
8	c3	O-O	28	Qe5	Qxe5	48	Bc2	hxd4	
9	h3	Bb7	29	Bxe5	c5	49	Bd1	Bc6	
10	d4	Re8	30	f3	b6	50	Be2	Ke5	
11	Nbd2	Bf8	31	Bc1	Kf7	51	Be2	Be8	
12	Q3	h6	32	Kc2	Ke6	52	Bd3	Kf4	
13	Bc2	Nb8	33	Ke3	Bb6	53	Bc2	Bc6	
14	b3	Nbd7	34	Bxd6	Kxd6	54	Bd1	Be8	
15	Bb2	c6	35	Kf4	Bc8	55	Bc2	Bc6	
16	Q4	Qc7	36	g4	f5	56	Bd1		
17	Bd3	d5	37	Ke4	Qe5	57			
18	de	Nxe4	38	Bc2	Bc2 +	58			
19	Ne4	de	39	Ke3	Ke5	59			
20	Be4	Ne5	40	Bf5	Bc6	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.19
Group: G12
Round: 5
Board: 2

WHITE: Emelianova Liliya Mikh				FED: RUS				RESULT: 1/2			
BLACK: Ding Yanwen				FED: CHN				RESULT: 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd1	ef	11					
2	Nf3	Nc6	22	Kf4	Bb7	12					
3	d4	cd	23	Rd4	Re7	13					
4	Nd4	e6	24	Nf3	Rb8	14					
5	Nc3	Qc7	25	Nb6	f5	15					
6	Qd3	a6	26	Kf3	Kg7	16					
7	Nb6	dc	27	Ra1	Re5	17					
8	Qg3	Qg3	28	Ra7	Rg8	18					
9	h4	Bc5	29	Ke3	Nf4	19					
10	Bd3	e5	30	Ke2	f5	20					
11	Ke2	b5	31	Nf1	Nf6	21					
12	a4	Rb8	32	Ne3	fe	22					
13	ab	ab	33	Kab	Bc8	23					
14	Bc3	Bc3	34	Re7	Re7	24					
15	Ke3	Nf6	35	Rf6	Kf6	25					
16	f4	h6	36	Nd5		26					
17	Ne2	O-O	37			27					
18	Ng1	c5	38			28					
19	c3	Q4	39			29					
20	Bc2	Re8	40			30					
SIGNATURE (WHITE): Liliya				SIGNATURE (BLACK): Ding Yanwen				SIGNATURE (JUDGED): Kang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.26
Group: G12
Round: 5/8
Board: 2

WHITE: Emelianova Liliya				FED: RUS				RESULT: 1/2			
BLACK: Ding Yanwen				FED: CHN				RESULT: 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd1	KF4	11					
2	Nf3	Nc6	22	Bb7	Bb4	12					
3	d4	cd	23	Re7	NF3	13					
4	Nd4	e6	24	Rb8	Nf5	14					
5	Nc3	Qc7	25	g6	KF3	15					
6	Qd3	a6	26	Kg2	Ra1	16					
7	Nc6	dc	27	Re5	Ra7	17					
8	Bg3	Bg3	28	Rb2	Ke3	18					
9	h4	Bc5	29	Ng4	Ke2	19					
10	Bd3	e5	30	f5	Nf1	20					
11	Re2	b5	31	Nf6	Ne3	21					
12	a4	Rb8	32	Re	Rd6	22					
13	ab	ab	33	Bc8	Re7	23					
14	Bc3	Bc3	34	Re7	Rf6	24					
15	Ke3	Nf6	35	Kf6	Nd5	25					
16	f4	h6	36			26					
17	Ne2	O-O	37			27					
18	Ng1	c5	38			28					
19	c3	C4	39			29					
20	Bc2	Re8	40			30					
SIGNATURE (WHITE): Liliya				SIGNATURE (BLACK): Ding Yanwen				SIGNATURE (JUDGED): Kang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:40

Group G12							
Round 5							
Date 7/19 Board 3							
WHITE				BLACK			
DIVI				PENG			
PENG				DIVI			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e6	11	Re5	Rc6	11	Rd1
2	d4	d5	12	Re1	Rd8	12	a4
3	Nc3	Nf6	13	Re7	Rd6	13	Rcd6
4	Bg5	dxe4	14	b3	a5	14	Kc3
5	Nxe4	Be1	15	g4	fg7	15	Kb2
6	Bxf6	Bxf6	16	g5	ghg5	16	Re7
7	Nf3	0-0	17	hxg5	kg6	17	ke3
8	Qd2	Nd7	18	Rf3	fxg5	18	Rh7
9	0-0-0	b6	19	Re7	Rd7	19	Rh6
10	h4	Bb7	20	Rf5	Rd1	20	Rh5
11	Bc3	Re8	21	Kb2	Rd6	21	Kb2
12	Neg5	h6	22	Rf3	Kg7	22	Kc3
13	Be4	Bxe4	23	R3f7	kg6	23	cx63
14	Nxe4	cs	24	Rb7	Rd2	24	Rd5
15	d5	Nes	25	Re7	Rf6	25	Rh4
16	Qf4	Nxf3	26	Rga	Kf5	26	Kc2
17	Qxf3	exd5	27	Rg7	Rxf2	27	Rh6
18	Rxd5	de7	28	Rxg5	ke4	28	Kc3
19	Nx36	QxP6	29	Re3	Kf4	29	Rc6
20	QxP6	fxP6	30	Rd5	Rg2	30	ab5
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Dui				Peng/Jingyi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:40

Group G12							
Round 5							
Date 7/19 Board 3							
WHITE				BLACK			
DIVI				PENG			
PENG				DIVI			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Kb2	Kf5	11			11	
2	Ka3	Ke5	12			12	
3	Rc4	Kd6	13			13	
4	Ka4	Rd5	14			14	
5	Rb4	Kc6	15			15	
6	Rh6	Kb7	16			16	
7	Kc3	Rb5	17			17	
8	Ra5	Rg5	18			18	
9	Rh6	Rf5	19			19	
10	Kb2	Rf3	20			20	
11	Ka3	Rf5	21			21	
12	Rh3	Rf4	22			22	
13	Rh7	Ka6	23			23	
14	Rh8	Kb7	24			24	
15	Rh7	Kc6	25			25	
16	Rab5	Kb6	26			26	
17	Rh6	Kb7	27			27	
18	Rh5	Kb6	28			28	
19			29			29	
20			30			30	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Dui				Peng/Jingyi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:40

Group G12							
Round 5							
Date 7/19 Board 3							
WHITE				BLACK			
DIVI				PENG			
PENG				DIVI			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e6	21	Rf5	Rc6	11	Rd1
2	d4	d5	22	Re1	Rd8	12	a4
3	Nc3	Nf6	23	Re7	Rd6	13	Rcd6
4	Bg5	de	24	b3	a5	14	Kc3
5	Nxe4	Be7	25	g4	fg7	15	Kb2
6	Bxf6	Bxf6	26	g5	hg5	16	Re7
7	Nf3	0-0	27	hxg5	kg6	17	ke3
8	Qd2	Nd7	28	Rf3	fxg5	18	Rh7
9	0-0-0	b6	29	Re7	Rd7	19	Rh6
10	h4	Bb7	30	Rf5	Rd1	20	Rh5
11	Bc3	Re8	31	Kb2	Rd6	21	Kb2
12	Neg5	h6	32	Rf3	Kg7	22	Kc3
13	Be4	Bxe4	33	R3f7	kg6	23	cx63
14	Nxe4	cs	34	Rb7	Rd2	24	Rd5
15	d5	Nes	35	Re7	Rf6	25	Rh4
16	Qf4	Nxf3	36	Rga	Kf5	26	Kc2
17	Qxf3	exd5	37	Rg7	Rxf2	27	Rh6
18	Rd5	de7	38	Rxg5	ke4	28	Kc3
19	Nx36	QxP6	39	Re3	Kf4	29	Rc6
20	QxP6	fxP6	40	Rd5	Rg2	30	ab5
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Dui				Peng/Jingyi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:40

Group G12							
Round 5							
Date 7/19 Board 3							
WHITE				BLACK			
DIVI				PENG			
PENG				DIVI			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Kb2	Kf5	21			11	
2	Ka3	Ke5	22			12	
3	Rc4	Kd6	23			13	
4	Ka4	Rd5	24			14	
5	Rh4	Kc6	25			15	
6	Rh6	Kb7	26			16	
7	Ka3	Rb5	27			17	
8	Rh4	Rg5	28			18	
9	Rh6	Rf5	29			19	
10	Kb2	Rf3	30			20	
11	Ka3	Rf5	31			21	
12	Rh3	Rf4	32			22	
13	Rh7	Ka6	33			23	
14	Rh8	Kb7	34			24	
15	Rh7	Ka6	35			25	
16	Rh5	Kb6	36			26	
17	Rh6	Kb7	37			27	
18	Rh5	Kb6	38			28	
19			39			29	
20			40			30	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Dui				Peng/Jingyi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/12 Board: 4

WHITE Kazuo, Alisa				BLACK Rusya			
Team Name				Team Name			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	10	15	11	14	16	11	K65
2	K13	15	12	K12	16	12	D15
3	10	15	13	15	16	13	D15
4	10	15	14	15	16	14	D15
5	10	15	15	15	16	15	D15
6	10	15	16	15	16	16	D15
7	10	15	17	15	16	17	D15
8	10	15	18	15	16	18	D15
9	10	15	19	15	16	19	D15
10	10	15	20	15	16	20	D15
11	10	15	21	15	16	21	D15
12	10	15	22	15	16	22	D15
13	10	15	23	15	16	23	D15
14	10	15	24	15	16	24	D15
15	10	15	25	15	16	25	D15
16	10	15	26	15	16	26	D15
17	10	15	27	15	16	27	D15
18	10	15	28	15	16	28	D15
19	10	15	29	15	16	29	D15
20	10	15	30	15	16	30	D15

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/12 Board: 5

WHITE Yunior, Alisa				BLACK Rusya			
Team Name				Team Name			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	K12	K16	21	K12	K16	11	K13
2	K13	K16	22	K13	K16	12	K14
3	K14	K16	23	K14	K16	13	K15
4	K15	K16	24	K15	K16	14	K16
5	K16	K16	25	K16	K16	15	K17
6	K17	K16	26	K17	K16	16	K18
7	K18	K16	27	K18	K16	17	K19
8	K19	K16	28	K19	K16	18	K20
9	K20	K16	29	K20	K16	19	K21
10	K21	K16	30	K21	K16	20	K22
11	K22	K16	31	K22	K16	21	K23
12	K23	K16	32	K23	K16	22	K24
13	K24	K16	33	K24	K16	23	K25
14	K25	K16	34	K25	K16	24	K26
15	K26	K16	35	K26	K16	25	K27
16	K27	K16	36	K27	K16	26	K28
17	K28	K16	37	K28	K16	27	K29
18	K29	K16	38	K29	K16	28	K30
19	K30	K16	39	K30	K16	29	K31
20	K31	K16	40	K31	K16	30	K32

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/12 Board: 4

WHITE Yunior, Alisa				BLACK Rusya			
Team Name				Team Name			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	10	15	21	14	16	11	K65
2	K13	15	22	K12	16	12	D15
3	10	15	23	15	16	13	D15
4	10	15	24	15	16	14	D15
5	10	15	25	15	16	15	D15
6	10	15	26	15	16	16	D15
7	10	15	27	15	16	17	D15
8	10	15	28	15	16	18	D15
9	10	15	29	15	16	19	D15
10	10	15	30	15	16	20	D15
11	10	15	31	15	16	21	D15
12	10	15	32	15	16	22	D15
13	10	15	33	15	16	23	D15
14	10	15	34	15	16	24	D15
15	10	15	35	15	16	25	D15
16	10	15	36	15	16	26	D15
17	10	15	37	15	16	27	D15
18	10	15	38	15	16	28	D15
19	10	15	39	15	16	29	D15
20	10	15	40	15	16	30	D15

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/12 Board: 5

WHITE Yunior, Alisa				BLACK Rusya			
Team Name				Team Name			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	K12	K16	21	K12	K16	11	K13
2	K13	K16	22	K13	K16	12	K14
3	K14	K16	23	K14	K16	13	K15
4	K15	K16	24	K15	K16	14	K16
5	K16	K16	25	K16	K16	15	K17
6	K17	K16	26	K17	K16	16	K18
7	K18	K16	27	K18	K16	17	K19
8	K19	K16	28	K19	K16	18	K20
9	K20	K16	29	K20	K16	19	K21
10	K21	K16	30	K21	K16	20	K22
11	K22	K16	31	K22	K16	21	K23
12	K23	K16	32	K23	K16	22	K24
13	K24	K16	33	K24	K16	23	K25
14	K25	K16	34	K25	K16	24	K26
15	K26	K16	35	K26	K16	25	K27
16	K27	K16	36	K27	K16	26	K28
17	K28	K16	37	K28	K16	27	K29
18	K29	K16	38	K29	K16	28	K30
19	K30	K16	39	K30	K16	29	K31
20	K31	K16	40	K31	K16	30	K32

18:02

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	6/1
Round	5
Date	19 09 2026
Board	5

WHITE				BLACK				FED				RESULT (P)			
Ehretpis Syonbat				Khusniddinova Khusnora				UZB				1/2			
Khusniddinova Khusnora				Ehretpis Syonbat				UZB				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	g4	g5	21	d5	h5	11	h4	h5	11	h4	h5	11	h4	h5	11
2	h3	h4	22	h4	h5	12	h4	h5	12	h4	h5	12	h4	h5	12
3	h3	h4	23	h4	h5	13	h4	h5	13	h4	h5	13	h4	h5	13
4	h3	h4	24	h4	h5	14	h4	h5	14	h4	h5	14	h4	h5	14
5	h3	h4	25	h4	h5	15	h4	h5	15	h4	h5	15	h4	h5	15
6	h3	h4	26	h4	h5	16	h4	h5	16	h4	h5	16	h4	h5	16
7	h3	h4	27	h4	h5	17	h4	h5	17	h4	h5	17	h4	h5	17
8	h3	h4	28	h4	h5	18	h4	h5	18	h4	h5	18	h4	h5	18
9	h3	h4	29	h4	h5	19	h4	h5	19	h4	h5	19	h4	h5	19
10	h3	h4	30	h4	h5	20	h4	h5	20	h4	h5	20	h4	h5	20
11	h3	h4	31	h4	h5	21	h4	h5	21	h4	h5	21	h4	h5	21
12	h3	h4	32	h4	h5	22	h4	h5	22	h4	h5	22	h4	h5	22
13	h3	h4	33	h4	h5	23	h4	h5	23	h4	h5	23	h4	h5	23
14	h3	h4	34	h4	h5	24	h4	h5	24	h4	h5	24	h4	h5	24
15	h3	h4	35	h4	h5	25	h4	h5	25	h4	h5	25	h4	h5	25
16	h3	h4	36	h4	h5	26	h4	h5	26	h4	h5	26	h4	h5	26
17	h3	h4	37	h4	h5	27	h4	h5	27	h4	h5	27	h4	h5	27
18	h3	h4	38	h4	h5	28	h4	h5	28	h4	h5	28	h4	h5	28
19	h3	h4	39	h4	h5	29	h4	h5	29	h4	h5	29	h4	h5	29
20	h3	h4	40	h4	h5	30	h4	h5	30	h4	h5	30	h4	h5	30
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	6/1
Round	5
Date	
Board	5

WHITE				BLACK				FED				RESULT (P)			
Ehretpis Syonbat				Khusniddinova Khusnora				UZB				1/2			
Khusniddinova Khusnora				Ehretpis Syonbat				UZB				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	d5	e5	11	g4	h5	11	g4	h5	11	g4	h5	11
2	h3	h4	22	h4	h5	12	h4	h5	12	h4	h5	12	h4	h5	12
3	h3	h4	23	h4	h5	13	h4	h5	13	h4	h5	13	h4	h5	13
4	h3	h4	24	h4	h5	14	h4	h5	14	h4	h5	14	h4	h5	14
5	h3	h4	25	h4	h5	15	h4	h5	15	h4	h5	15	h4	h5	15
6	h3	h4	26	h4	h5	16	h4	h5	16	h4	h5	16	h4	h5	16
7	h3	h4	27	h4	h5	17	h4	h5	17	h4	h5	17	h4	h5	17
8	h3	h4	28	h4	h5	18	h4	h5	18	h4	h5	18	h4	h5	18
9	h3	h4	29	h4	h5	19	h4	h5	19	h4	h5	19	h4	h5	19
10	h3	h4	30	h4	h5	20	h4	h5	20	h4	h5	20	h4	h5	20
11	h3	h4	31	h4	h5	21	h4	h5	21	h4	h5	21	h4	h5	21
12	h3	h4	32	h4	h5	22	h4	h5	22	h4	h5	22	h4	h5	22
13	h3	h4	33	h4	h5	23	h4	h5	23	h4	h5	23	h4	h5	23
14	h3	h4	34	h4	h5	24	h4	h5	24	h4	h5	24	h4	h5	24
15	h3	h4	35	h4	h5	25	h4	h5	25	h4	h5	25	h4	h5	25
16	h3	h4	36	h4	h5	26	h4	h5	26	h4	h5	26	h4	h5	26
17	h3	h4	37	h4	h5	27	h4	h5	27	h4	h5	27	h4	h5	27
18	h3	h4	38	h4	h5	28	h4	h5	28	h4	h5	28	h4	h5	28
19	h3	h4	39	h4	h5	29	h4	h5	29	h4	h5	29	h4	h5	29
20	h3	h4	40	h4	h5	30	h4	h5	30	h4	h5	30	h4	h5	30
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

18:02

 |

Group

5

Date
10

6

my

Group ρ

Page 6

Date

Board	6
-------	---

Why

0

7

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **C12**
Round **5**
Date **2024.9.20** Board **7**

WHITE Kim, Jooyeon				ID KAZ				RESULT (W)			
BLACK Zhandakyz, Medina				ID KOR				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxe1	Qxc4	11	Nd6	Nc5			
2	Nf3	Nc6	22	Bxc4	Nb2	12	Nxe4	Nxg8			
3	d4	Qd7	23	Qb5	Rd7	13	Q3	Q6			
4	Nc3	Nf6	24	C5	dxc5	14	Rd1	Nc5			
5	Nc3	Qd7	25	Bxc5	Rf3g	15	Rd9	Nc4			
6	Nd5	d6	26	Rc4	h6	16	Kg2	Rxf2			
7	Bd3	Q6	27	C4	Qd4	17					
8	Nc3	b5	28	Qb5	Rd8	18					
9	Nd5	Qc7	29	Rd7	Qd7	19					
10	Qd4	Bd8	30	Qd6	Nd4	20					
11	C3	O-O	31	Nc5	Nc2	21					
12	Nc2	Bd5	32	Kc1	Nf4	22					
13	Q4	Bxc4	33	Qf5	Nd3	23					
14	Rxc4	Q5	34	Rd5	Rd5	24					
15	Bc7	Rb8	35	Qd5	C4	25					
16	b3	Kh8	36	d6	Qd6	26					
17	O-O	f5	37	d7	Qd7	27					
18	Cf3	Qx5	38	Qd7	Rb8	28					
19	Nc3	Qc6	39	Nf5	Qf9	29					
20	Rc3	Qx3	40	Rxf9	Rxf9	30					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **C12**
Round **5**
Date **19.09.2026** Board **7**

WHITE Kim Jooyeon				ID Kor				RESULT (W)			
BLACK Zhandakyz Medina				ID Kaz				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc3	Bc5	11	Nc5	Nc1			
2	Nf3	Nc6	22	6c	Rb2	12	Nd7	Q3			
3	d4	Qd7	23	Qd5	Qe4	13	Q6	Kd2			
4	Nd4	Nf6	24	C5	dc	14	Q5	Rc5			
5	Nc3	Qd7	25	Qc5	Rf6g	15	Ng4	Kg2			
6	Nd6	d6	26	Ra1	h6	16	Rf2				
7	Bg5	a6	27	C4	Qb6	17					
8	Na3	b5	28	Qd5	Rd8	18					
9	Nd5	Bc4	29	Qf5	Qc4	19					
10	Bf6	Bf6	30	Qd6	Nd1	20					
11	C3	O-O	31	Ra5	Ne2	21					
12	Nc2	Bg5	32	Kh2	Nf4	22					
13	a4	6a	33	Qf5	Rd3	23					
14	Ra4	a5	34	Rd5	Kd5	24					
15	Bc4	R6p	35	Cd	Q4	25					
16	b5	Kh2	36	Qd6	d7	26					
17	O-O	f5	37	Qd7	Qf4	27					
18	Qf	Qf5	38	Rb8	Nf5	28					
19	Nc3	Bc6	39	Qf5	Qh	29					
20	Ra3	Bc3	40	Rf2	Nd6	30					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:52

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	04	40	C6	21	Be3	67	0g6	11	a6	31	Rh4
2	d4	40	d5	22	Qe6	67	Nf6	12	b3	20	Rd4
3	e5	41	Bf5	23	h3	603	Nd5	13	Ra0	21	Rd2
4	Nf3	41	e6	24	Bxg4	58	hng6	14	a2	29	Rbe2
5	Be2	41	Ne7	25	Bf2	43	Bxg2	15	Re3	28	Rae
6	Nbd2	40	Nd7	26	Bxf2	43	Rcp2	16	as=0	29	Rxa3
7	Nb3	40	Bg6	27	06	40	RbP4	17	Rxa3	29	Kg6
8	a4	40	Nf5	28	Rxg4	40	Rop4	18	b4	21	0g4
9	a5	41	Be2	29	Rd1	57	g5	19	Re4	29	
10	C3	47	0-0	30	c4	38	Ne7	20			
11	0-0	45	Rc3	31	Rd1	37	Nc8	21			
12	g4	44	Nh4	32	ds	36	cxds	22			
13	Nxh4	43	Bxh4	33	Rxd5	36	Kh7	23			
14	fh	43	Be4	34	Rd4	32	Ne7	24			
15	Nd2	40	f5	35	Rd7	32	Ng6	25			
16	Nxe4	46	dxe4	36	e7	33	Nxe7	26			
17	0b3	48	Qe8	37	Rxe7	33	es	27			
18	Bc4	61	Rxg4	38	Rxb7	30	Rio4	28			
19	Bxg4	61	Kg	39	Be2	31	Rh4	29			
20	Bxg4	63	Rc7	40	Rxg3	31	Rxh3	30			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:52

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	04	d. 20	06	21	Ba3	Qg6	1-0	41	06	Nh4	
2	ch	05	1-30	22	Qg6	Nf6	0-1	42	b3	Rd4	
3	05		Bf5	23	b3	Nd5	0-1	43	Rd4	Rd2	
4	Nf3	46	1-30	24	Qg6	h3	0-1	44	g4	Rd2	
5	Be2		Nd7	25	Be2	Bf2	0-1	45	Rd2	Rd2	
6	Nbd2		Nd7	26	Rd2	Rf7	0-1	46	Rd2	Rd2	
7	Nb3		Bg6	27	Rd2	Rf7	0-1	47	Rd2	Rd2	
8	04	24	Nf5	28	Rd2	Rf7	0-1	48	Rd2	Rd2	
9	05		Be7	29	Rd2	Rf7	0-1	49	Rd2	Rd2	
10	C3	0-0	1-30	30	04	Nf5	0-1	50	Rd2	Rd2	
11	00		Rd2	31	Rd2	Nf5	0-1	51	Rd2	Rd2	
12	g4	Nh4	1-30	32	05	0d	0-1	52	Rd2	Rd2	
13	Nh4	Rh4	1-30	33	Rd2	Nf5	0-1	53	Rd2	Rd2	
14	F4	Be7	1-30	34	Rd2	Nf5	0-1	54	Rd2	Rd2	
15	Nd2		1-30	35	Rd2	Nf5	0-1	55	Rd2	Rd2	
16	Nd2	06	1-30	36	Rd2	Nf5	0-1	56	Rd2	Rd2	
17	04	06	1-30	37	Rd2	Nf5	0-1	57	Rd2	Rd2	
18	B4	06	1-30	38	Rd2	Nf5	0-1	58	Rd2	Rd2	
19	Rc6	06	1-30	39	Rd2	Nf5	0-1	59	Rd2	Rd2	
20	B4	06	1-30	40	Rd2	Nf5	0-1	60	Rd2	Rd2	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	

18.22

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sokolova, Milana Aleks.		Krisha Tamhant Jain		RUS		IND		RUS		IND	
1		2		3		4		5		6	
e4		c5		dxc4		Bxe5		Kxh6			
Nc3		a6		Nxe4		Bb7 (30f)					
d4		cxd4		Nf3		Bf6 (22)					
Qxd4		Nc6		Bb3		Nf4					
Qe3		e6		Qe5		Qxe5					
Nf3		Nge7		Rxe5		g5 (18)					
Bd3		d5		Rxf5		Nxe2					
exd5		Nxd5		Nxe2		g4					
Nxd5		Qxd5		Kg3		Bxf3					
O-O		Be7		Rd6		Kg7					
Be4		Qd6		Ad7+		Kg6					
Bd2		O-O		Rf7		Kh5					
Bc3		h6 (54)		Bg7		Rac8					
Rad1		Qc7 (54)		Rd6		Rg8					
Bd3		b5 (49)		Rxxg8		Rxxg8					
Qb4		f5		Rd6		Rf5					
Qe2		Bd6		Bxe6		Rb8					
Rf1		Ne7		b3		Rb4					
Be5		Nd5 (30)		Bf4+		Kg5					
c4		bxc4		Rg6+		Rf5					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
[Signature]		[Signature]		[Signature]		[Signature]		[Signature]		[Signature]	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sokolova Milana		Krisha Tamhant Jain		RUS		IND		RUS		IND	
1		2		3		4		5		6	
e4		c5		cc4:		ces:		Nh6			
Kc3		A6		kes:		Cb7					
d4		cd		Kf3		Afe8					
A4:		Kc6		cb3		Kf4					
Pe3		e8		Pe5		Pe5:					
Kf3		Kge7		Aes:		fs					
cd3		d5		Afs:		Kf2					
ed		Kd5:		Kp02:		g4					
Kd5:		Pds:		Kp93		Cf3:					
O-O		ce7		Ad6		Kp97					
Ce4		Pd6		Ad7		Kp96					
cd2		O-O		A5f7		Kp95					
cc3		h6		A97		Nac8					
AAH		Pc7		Ad6		A98					
ab3		b5		A98:		A98:					
Pe4		fs		A96:		A98					
Pe2		cd6		Ce6:		Ab8					
AAH		Ke7		b3		Ab4					
ces		Kd5		cf7+		Kp95					
c4 51		bc 32		A96+		Kd5					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
[Signature]		[Signature]		[Signature]		[Signature]		[Signature]		[Signature]	

18.22

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G12
Round
05
Date
2026/07/19
Board
10

WHITE Sayumi Sithumila				FED SRI				RESULT (W)			
BLACK Vu Thi Yen Chi				FED VIE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bg4	c9	11					
2	c4	c6	22	Nf4	f5	12					
3	Nf3	Nf6	23	Bf3	Qf7	13					
4	Nc3	e6	24	bxc4	Nxc4	14					
5	Bg5	Be1	25	Qb1	a6	15					
6	e3	Nbd7	26	Rdc1	Rdc8	16					
7	Bd3	O-O	27	Qb4	Qh1	17					
8	O-O	b6	28	Be2	a5	18					
9	h3	Bb7	29	Qe1	Qa4	19					
10	Rc1	c5	30	Bf3	Qd7	20					
11	cx d5	Nx d5	31	Kh1	xh8	21					
12	Bxe1	Qx o7	32	g4	Re8	22					
13	Nx d5	ex d5	33	Qg1	Fx g4	23					
14	b3	Rac8	34	Qxg4	Qd6	24					
15	Bf5	Rc7	35	Qh5	Rd8	25					
16	Rc2	Rfd8	36	Bg4	Bc8	26					
17	Qc1	Nf6	37	Bxc8	R7xc8	27					
18	Ne5	Ne4	38	Qxd5	Qf5	28					
19	Rd1	f6	39	Qh5		29					
20	Nd3	Nd6	40			30					
SIGNATURE (WHITE) Smi				SIGNATURE (BLACK) Phi				SIGNATURE (ARBITER) Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G12
Round
05
Date
2026/07/19
Board
10

WHITE Halangoda Sayumi Sithumila				FED SRI				RESULT (W)			
BLACK Vu Thi Yen Chi				FED VIE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 130	d5 130	21	Bg4 -	c4 50	11					
2	c4 131	c6 -	22	Nf4 57	f5	12					
3	Nf3 -	Nf6 -	23	Bf3 55	Qf2 41	13					
4	Nc3 -	e6 -	24	bc 50	Nb4 49	14					
5	Bg5 -	Be1 129	25	Qb1 40	a6 40	15					
6	e3 -	Nbd7 123	26	Rc1 34	Rc8 29	16					
7	Bd3 -	O-O -	27	Qb4 34	Qd7 32	17					
8	O-O 130	b6 126	28	Be2 32	a5 -	18					
9	Bb7 h3 128	Bb7 124	29	Qe1 -	Qh4	19					
10	Rc1 124	c5 21	30	Bf3 27	Qd7 22	20					
11	ed 122	Nd5 -	31	Kh1 20	f4 21	21					
12	Be7 -	Qd7 -	32	g4 23	Re8 18	22					
13	Nd5 121	ed -	33	Qg1 122	f9 17	23					
14	b3 115	Rac8 118	34	Qg4	Qd6	24					
15	Bf5 115	Rc7 114	35	Qh5	Rd8	25					
16	Rc2 112	Rd8 108	36	Bg4	Bc8	26					
17	Qc1 108	Nf6 102	37	Bc8	Rd8	27					
18	Ne5 105	Nb4 101	38	Qd5	Qf8	28					
19	Rd1 59	f6 58	39	Qh5		29					
20	Nd3 65	Nd6 59	40			30					
SIGNATURE (WHITE) Smi				SIGNATURE (BLACK) Phi				SIGNATURE (ARBITER) Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.15

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										L1200	
										5	
										7/19	
										11	
Song Yuzhen										CHN	
Zhurabek Nursay										KAZ	
										0	

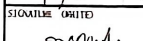
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.15

28th Asian Youth Chess Championships 2026				Group G12							
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛				Round 5							
   				Date 7/19							
FED CHN				FED KAZ							
Song, Yuzhen				1							
Zhurabek, Nursay				0							
WHITE				BLACK							
1	ka6	kb6	21	g4.7	ke7	21					
2	kb6	Bd7	22	g8.8	ke7	22					
3	ka6	ke7	23	g8.8	ke7	23					
4	ka6	Ba6	24	ka6		24					
5	ka6	Ba6	25			25					
6	ka6	Ba6	26			26					
7	ka6	Ba6	27			27					
8	ka6	Ba6	28			28					
9	ka6	Ba6	29			29					
10	ka6	Ba6	30			30					
11	ka6	Ba6	31			31					
12	ka6	Ba6	32			32					
13	ka6	Ba6	33			33					
14	ka6	Ba6	34			34					
15	ka6	Ba6	35			35					
16	ka6	Ba6	36			36					
17	ka6	Ba6	37			37					
18	ka6	Ba6	38			38					
19	ka6	Ba6	39			39					
20	ka6	Ba6	40			40					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)			
Song Yuzhen				Zhurabek Nursay				Song Yuzhen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.15

12th Asian Youth Chess Championships 2026				Group G12																																																																																																																																																																																														
2026年 第28届 亚洲 青少年 国际象棋 锦标赛				Round 5																																																																																																																																																																																														
				Date: 19/07 Round: 11																																																																																																																																																																																														
WHITE Song Yuzhen				FED CHN	Result: 1																																																																																																																																																																																													
BLACK Zhurabek Nursay				FED KAZ	Result: 0																																																																																																																																																																																													
<table><tr><th>#</th><th>WHITE</th><th>BLACK</th><th>#</th><th>WHITE</th><th>BLACK</th><th>#</th><th>WHITE</th><th>BLACK</th></tr><tr><td>1</td><td>e4</td><td>c5</td><td>21</td><td>Ld1</td><td>ko7</td><td>41</td><td>g5</td><td>h9</td></tr><tr><td>2</td><td>kef3</td><td>ae</td><td>22</td><td>cd1</td><td>epf7</td><td>42</td><td>hg</td><td>db5</td></tr><tr><td>3</td><td>c4</td><td>ke6</td><td>23</td><td>ce2</td><td>ce8</td><td>43</td><td>epf3</td><td>cd7</td></tr><tr><td>4</td><td>ke3</td><td>ds</td><td>24</td><td>ce5</td><td>kpes</td><td>44</td><td>kp93</td><td>kepo7</td></tr><tr><td>5</td><td>d4</td><td>cd</td><td>25</td><td>ce4</td><td>kpdt7</td><td>45</td><td>kpft3</td><td>kpdt6</td></tr><tr><td>6</td><td>ke6</td><td>ke6</td><td>26</td><td>cd5</td><td>ce7</td><td>46</td><td>kpdt3</td><td>cd5</td></tr><tr><td>7</td><td>13</td><td>es</td><td>27</td><td>ce7</td><td>kpdt7</td><td>47</td><td>cd3</td><td>ce6</td></tr><tr><td>8</td><td>ke6</td><td>bc</td><td>28</td><td>b4</td><td>ce6</td><td>48</td><td>b5</td><td>cd7</td></tr><tr><td>9</td><td>ce3</td><td>ce6</td><td>29</td><td>ce6</td><td>ce4</td><td>49</td><td>ce4</td><td>cd6</td></tr><tr><td>10</td><td>ce2</td><td>ce7</td><td>30</td><td>g4</td><td>fg</td><td>50</td><td>b6</td><td>ce6</td></tr><tr><td>11</td><td>O-O</td><td>O-O</td><td>31</td><td>fg</td><td>cd2</td><td>51</td><td>b7</td><td>kpdt7</td></tr><tr><td>12</td><td>Qd2</td><td>ds</td><td>32</td><td>ce6</td><td>cd5</td><td>52</td><td>kpdt3</td><td>cd6</td></tr><tr><td>13</td><td>cd</td><td>ed</td><td>33</td><td>kpdt2</td><td>kpdt6</td><td>53</td><td>kpdt3</td><td>cd6</td></tr><tr><td>14</td><td>ed</td><td>kef5</td><td>34</td><td>cd3</td><td>h6</td><td>54</td><td>kpdt4</td><td>cd2</td></tr><tr><td>15</td><td>ke5</td><td>cd5</td><td>35</td><td>h4</td><td>kpdt6</td><td>55</td><td>kpdt5</td><td>cd2</td></tr><tr><td>16</td><td>ld1</td><td>ce6</td><td>36</td><td>kpdt3</td><td>kpdt6</td><td>56</td><td>kpdt6</td><td>kpdt8</td></tr><tr><td>17</td><td>Qd8</td><td>ld8</td><td>37</td><td>cd2</td><td>cd7</td><td>57</td><td>kpdt6</td><td>ce8</td></tr><tr><td>18</td><td>ld8</td><td>ld8</td><td>38</td><td>cd3</td><td>ce6</td><td>58</td><td>kpdt5</td><td>kpdt7</td></tr><tr><td>19</td><td>b3</td><td>fs</td><td>39</td><td>ce8</td><td>cd1</td><td>59</td><td>kpdt4</td><td>cd7</td></tr><tr><td>20</td><td>g3</td><td>cd8</td><td>40</td><td>ce4</td><td>ce6</td><td>60</td><td>kpdt5</td><td>ce8</td></tr></table>						#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	1	e4	c5	21	Ld1	ko7	41	g5	h9	2	kef3	ae	22	cd1	epf7	42	hg	db5	3	c4	ke6	23	ce2	ce8	43	epf3	cd7	4	ke3	ds	24	ce5	kpes	44	kp93	kepo7	5	d4	cd	25	ce4	kpdt7	45	kpft3	kpdt6	6	ke6	ke6	26	cd5	ce7	46	kpdt3	cd5	7	13	es	27	ce7	kpdt7	47	cd3	ce6	8	ke6	bc	28	b4	ce6	48	b5	cd7	9	ce3	ce6	29	ce6	ce4	49	ce4	cd6	10	ce2	ce7	30	g4	fg	50	b6	ce6	11	O-O	O-O	31	fg	cd2	51	b7	kpdt7	12	Qd2	ds	32	ce6	cd5	52	kpdt3	cd6	13	cd	ed	33	kpdt2	kpdt6	53	kpdt3	cd6	14	ed	kef5	34	cd3	h6	54	kpdt4	cd2	15	ke5	cd5	35	h4	kpdt6	55	kpdt5	cd2	16	ld1	ce6	36	kpdt3	kpdt6	56	kpdt6	kpdt8	17	Qd8	ld8	37	cd2	cd7	57	kpdt6	ce8	18	ld8	ld8	38	cd3	ce6	58	kpdt5	kpdt7	19	b3	fs	39	ce8	cd1	59	kpdt4	cd7	20	g3	cd8	40	ce4	ce6	60	kpdt5	ce8
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK																																																																																																																																																																																										
1	e4	c5	21	Ld1	ko7	41	g5	h9																																																																																																																																																																																										
2	kef3	ae	22	cd1	epf7	42	hg	db5																																																																																																																																																																																										
3	c4	ke6	23	ce2	ce8	43	epf3	cd7																																																																																																																																																																																										
4	ke3	ds	24	ce5	kpes	44	kp93	kepo7																																																																																																																																																																																										
5	d4	cd	25	ce4	kpdt7	45	kpft3	kpdt6																																																																																																																																																																																										
6	ke6	ke6	26	cd5	ce7	46	kpdt3	cd5																																																																																																																																																																																										
7	13	es	27	ce7	kpdt7	47	cd3	ce6																																																																																																																																																																																										
8	ke6	bc	28	b4	ce6	48	b5	cd7																																																																																																																																																																																										
9	ce3	ce6	29	ce6	ce4	49	ce4	cd6																																																																																																																																																																																										
10	ce2	ce7	30	g4	fg	50	b6	ce6																																																																																																																																																																																										
11	O-O	O-O	31	fg	cd2	51	b7	kpdt7																																																																																																																																																																																										
12	Qd2	ds	32	ce6	cd5	52	kpdt3	cd6																																																																																																																																																																																										
13	cd	ed	33	kpdt2	kpdt6	53	kpdt3	cd6																																																																																																																																																																																										
14	ed	kef5	34	cd3	h6	54	kpdt4	cd2																																																																																																																																																																																										
15	ke5	cd5	35	h4	kpdt6	55	kpdt5	cd2																																																																																																																																																																																										
16	ld1	ce6	36	kpdt3	kpdt6	56	kpdt6	kpdt8																																																																																																																																																																																										
17	Qd8	ld8	37	cd2	cd7	57	kpdt6	ce8																																																																																																																																																																																										
18	ld8	ld8	38	cd3	ce6	58	kpdt5	kpdt7																																																																																																																																																																																										
19	b3	fs	39	ce8	cd1	59	kpdt4	cd7																																																																																																																																																																																										
20	g3	cd8	40	ce4	ce6	60	kpdt5	ce8																																																																																																																																																																																										
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)																																																																																																																																																																																														
																																																																																																																																																																																																		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.15

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group G12		
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round 5		
								
Date						Board 11		
WHITE Song Yuzhen				FED CHN		RESULT 1		
BLACK Zhurabek Nursay				FED KAZ		RESULT 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kpdt6	kpdt8	21	97	kpdt5	21		
2	kpdt6	cd7	22	98-9	kpdt4	22		
3	kpdt5	kpdt7	23	99-5	kpdt4	23		
4	kpdt4	ce6	24	kpdt6		24		
5	kpdt3	cd2	25			25		
6	kpdt3	ce6	26			26		
7	kpdt3	kpdt8	27			27		
8	ce6	kpdt7	28			28		
9	kpdt4	ce6	29			29		
10	kpdt5	cd7	30			30		
11	cd5	ce6	31			31		
12	kpdt6	kpdt8	32			32		
13	kpdt7	cd5	33			33		
14	kpdt7	g6	34			34		
15	kpdt6	kpdt7	35			35		
16	cd7	kpdt7	36			36		
17	ce6	ce6	37			37		
18	kpdt6	kpdt7	38			38		
19	kpdt7	kpdt5	39			39		
20	g6	kpdt4	40			40		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (WHITE)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7.17 Board: 12

WHITE Sun Yuqiao (SD)				FED CHN				RESULT (N)			
BLACK Vo Maichuang				FED VIE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bx90	c590	21	Ng3	f6	41					
2	Nc391	Nc691	22	ef	Nb6	42					
3	g391	e691	23	Nf6	Nf6	43					
4	Bg291	Ng291	24	Nc4	Nf8	44					
5	Nf291	g689	25	Rh3	Rc7	45					
6	dl389	Bg186	26	Qh2	Qb7	46					
7	Re389	dl689	27	Nf5	Re8	47					
8	Bd289	Rb871	28	Kd2	Ng8	48					
9	Bh689	O-O73	29	Rh1	a6	49					
10	h489	Bh661	30	kg	Nb6	50					
11	Qh689	Kh861	31	Rh7	Rh7	51					
12	h588	Nf564	32	Nh7	af7	52					
13	Bd288	b595	33	g7	kg7	53					
14	f474	b426	34	Qh6	Ng8	54					
15	Nd173	d522	35	Nf6	Rf6	55					
16	e571	Nc218	36	Bf7	Nf7	56					
17	g416	Bb719	37	Qg7		57					
18	Nf218	d46	38			58					
19	Bb717	Rb76	39			59					
20	Nd4	sd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7.17 Board: 12

WHITE Sun Yuqiao (SD)				FED CHN				RESULT (N)			
BLACK Vo Maichuang				FED VIE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Mg3	f6	41					
2	Nc3	Nc6	22	af	Nf6	42					
3	g3	e6	23	Nf6	Nf6	43					
4	Tg2	Mg2	24	Nc4	Xf8	44					
5	Mge2	g6	25	Xh3	xc9	45					
6	cb	Tg7	26	Hh2	Hb7	46					
7	Te3	d6	27	Mg5	xc8	47					
8	Hd2	xb8	28	Vh2	Vg8	48					
9	Th6	O-O	29	Xh1	a6	49					
10	h4	Th6	30	kg	Mg6	50					
11	Hh6	Vh2	31	Xh7	Xh7	51					
12	h5	Ng8	32	Nh7	Hf7	52					
13	Hd2	b5	33	g5	Vg7	53					
14	f4	b4	34	Hh6	Vg8	54					
15	Md1	d5	35	Mf6	Hf6	55					
16	eb	Nc2	36	gf	Vf7	56					
17	g4	Tb7	37	Hg7		57					
18	Mf2	d4	38			58					
19	Tb7	xc7	39			59					
20	Mg4	Hd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 190726

Board 13

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1		21		41		61		81		101	
2		22		42		62		82		102	
3		23		43		63		83		103	
4		24		44		64		84		104	
5		25		45		65		85		105	
6		26		46		66		86		106	
7		27		47		67		87		107	
8		28		48		68		88		108	
9		29		49		69		89		109	
10		30		50		70		90		110	
11		31		51		71		91		111	
12		32		52		72		92		112	
13		33		53		73		93		113	
14		34		54		74		94		114	
15		35		55		75		95		115	
16		36		56		76		96		116	
17		37		57		77		97		117	
18		38		58		78		98		118	
19		39		59		79		99		119	
20		40		60		80		100		120	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17/26

Board 13

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1		21		41		61		81		101	
2		22		42		62		82		102	
3		23		43		63		83		103	
4		24		44		64		84		104	
5		25		45		65		85		105	
6		26		46		66		86		106	
7		27		47		67		87		107	
8		28		48		68		88		108	
9		29		49		69		89		109	
10		30		50		70		90		110	
11		31		51		71		91		111	
12		32		52		72		92		112	
13		33		53		73		93		113	
14		34		54		74		94		114	
15		35		55		75		95		115	
16		36		56		76		96		116	
17		37		57		77		97		117	
18		38		58		78		98		118	
19		39		59		79		99		119	
20		40		60		80		100		120	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16.53

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	c4	e6	21	Qd5	g6	41					
2	e4	d5	22	Nd7	xc7	42					
3	cd	ed	23	Qe5	Kh6	43					
4	ed	Qd5	24	Qe7	Qe7	44					
5	Nc3	Qd8	25	Re7	Rnd8	45					
6	d4	Nf6	26	Ne5	Rd4	46					
7	Nf3	Bf5	27	Nf7	Eh5	47					
8	Qb3	Qc8	28	Rf5	Kg4	48					
9	Bc4	Bc6	29	f3	Ng4	49					
10	O-O	Bc4	30	Ng5		50					
11	Qc4	Be7	31			51					
12	Re1	Qd8	32			52					
13	Qb4	b6	33			53					
14	Bp4	Kf8	34			54					
15	Qc4	C6	35			55					
16	Bb8	Rb8	36			56					
17	Ne5	Qe8	37			57					
18	Re2	Rc8	38			58					
19	Rae1	Nd5	39			59					
20	Nd5	cd	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Anh				Ye, Shuhan				Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16.53

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	c4	e6	21	Qd5	g6	41					
2	e4	d5	22	Ne7	lg7	42					
3	cd	ed	23	Qe5	Kh6	43					
4	ed	Qd5	24	Qe7	Qe7	44					
5	Nc3	Qd8	25	Re7	Rnd8	45					
6	d4	Nf6	26	Ne5	Rd4	46					
7	Nf3	Bf5	27	Nf7	Eh5	47					
8	Qb3	Qc8	28	Rf5	Kg4	48					
9	Bc4	Bc6	29	f3	Ng4	49					
10	O-O	Bc4	30	Ng5		50					
11	Qc4	Be7	31			51					
12	Re1	Qd8	32			52					
13	Qb4	b6	33			53					
14	Bp4	Kf8	34			54					
15	Qc4	C6	35			55					
16	Bb8	Rb8	36			56					
17	Ne5	Qe8	37			57					
18	Re2	Rc8	38			58					
19	Rae1	Nd5	39			59					
20	Nd5	cd	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Anh				Ye, Shuhan				Zhu			

Group	412
Round	5
Board	15

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	d5	21	a7	Rb7	11	Bc1	Nf6			
2	c4	c6	22	Ra6	C6	12	Bf1	Ra1			
3	Nf3	Nf6	23	Rf1	C4	13	Ke2	Nh5			
4	g3	Bp5	24	KP2	Nb6	14	Rb3	Rb1			
5	Nc3	e6	25	h3	Nc8	15	Kf2	Nc4+			
6	Bg2	Nb4	26	Rc6	Ne7	16	Ke2	Nc6			
7	Nh4	Bg6	27	Rxc4	Rbxa2	17	Kf2	Nc4+			
8	Nxg6	hxc6	28	Rxa7	Rxa7	18	Ke2	Nc6			
9	O-O	Be7	29	Rb4	Nf5	19					
10	Qb3	Qb6	30	Bf3	Nd6	20					
11	o5	Qxb3	31	Ke2	Nh5	21					
12	axb3	O-O	32	KP2	Nf6	22					
13	f4	b6	33	Bc1	Ra2	23					
14	b4	a5	34	KP1	Nc4	24					
15	bxa5	bxc5	35	Bc3	Nh5	25					
16	e3	cxdl4	36	Kf2	Nf6	26					
17	exd4	Bb4	37	Bg2	Nd6	27					
18	a6	Rfb8	38	Ke3	Nf5+	28					
19	Bd2	Bxc3	39	Kf2	Nd6	29					
20	Bxc3	Rb6	40	KP3	Nfe4	30					

Стар	ср
Види	с
Board	к

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4.	d5.	21	g7.	Ra7.	11	b4.	Nb6.			
2	c4	c6.	22	a6.	c5	c5	c2	d4.	Ra1.		
3	Nf3.	Nf6.	23	Rf6a1.	c4.	13	Ke2.	Nf5.			
4	g3.	Bf5.	21	Ke2.	Nb6.	41	Rb3.	Rb1.			
5	Nc3.	e6.	25	l3.	Nc8.	15	Ke2.	Nb6.			
6	Bg2.	Nb5.	26	Rc6.	Nc7.	16	Ke2.	Nd6.			
7	Nf4.	Bg6.	27	Rc4.	Rba7.	17	Kf4.	Nc4.			
8	Ng6.	h9.	28	Ra7.	Ra7.	18	Kl4.	Nd6.			
9	O-O	Be1.	29	Rb4.	Nf5.	19					
10	a6.	a6.	30	Bf3.	Nd6.	50					
11	e5.	a6.	31	Ke2.	Nf5.	91					
12	ab.	O-O.	32	Kf2.	Nf6.	82					
13	F4.	b6.	33	Be1.	Ra2.	83					
14	b4.	a5.	34	Kf1.	Nc4.	54					
15	A1.	b c	35	Bc3.	Nf5.	85					
16	e3.	cd.	36	Kf2.	Nf6.	56					
17	ed	h4.	37	Bg2.	Nd6.	57					
18	a6	Rf6.	38	Ke2.	Nf5.	58					
19	Bf2.	Bc3.	39	Ke2.	Nd6.	59					
20	Bc3.	Rc6.	40	Kf1.	Nc4.	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

18:17

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	G12
Round	5
Date	0.07.2026
Board	16

WHITE: Meha Arin A				FID: IND		RESULT: 1/2		
BLACK: Ziyadin Makina				FID: KAZ		RESULT: 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Pe2	Rf4	41		
2		Kf3	22		cf4	42		
3	d4	cd	23	Nf4	Cf5	43		
4		Kf6	24	Nf5	Nf8	44		
5	Kc3	ag	25	Ad8	Ff8	45		
6		f3	26	Kd5	Kd5	46		
7	ce3	ce4	27	N5	Pc7	47		
8		ca	28	Kd4	ff4	48		
9	O-O	O-O	29	Kf3	Pc1	49		
10		ac5	30	Kf4	cf4	50		
11	g2	h6	31	g3	cf8	51		
12	Kf4	uc8	32		c3	Ph1	52	
13		e5	33	Nd4	Pa0	53		
14		cg4	34		cf4	54		
15	Ad4	Kb4	35	Nd3	Pa4	55		
16		Kg4	36		e5	56		
17	cg1	Pf8	37	Kf3	Pe4	57		
18		Kf6	38	g3	Pc5	58		
19	ca	Kd5	39	Pa2	Pe4	59		
20		de	40			60		
SIGNATURE (WHITE): [Signature]				SIGNATURE (BLACK): [Signature]		SIGNATURE (ARBITER): Zhn		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	G12
Round	5
Date	19.07.2026
Board	16

WHITE: Meha Arin, A				FID: IND		19.10.2020		RESULT: ON	
BLACK: Ziyadin, Makina				FID: KAZ				RESULT: ON	
1/2								1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Qe2	Nf4	41			
2	Nf3	d6	22	Rc1	cc4	42			
3	d4	exd4	23	Rc1	Bg5	43			
4	Nc4	Nf4	24	Rb1	Bg5	44			
5	Nc3	ab	25	Rb1	Bg5	45			
6	F3	cb	26	Nd5	Nd5	46			
7	Be3	Be7	27	Rb1	Qe7	47			
8	Be2	Bd7	28	Nd4	Qe7	48			
9	O-O	O-O	29	Nf3	Qd1	49			
10	ah	Nc6	30	Kf1	Bf4	50			
11	Qd2	h6	31	g3	Bg8	51			
12	h4	Rc8	32	g3	Qd1	52			
13	F4	eg	33	Rd4	Qe7	53			
14	Nb3	Bg4	34	Qd2	Ba7	54			
15	Rc4	Nd4	35	Rd1	Qe7	55			
16	Bg1	Nog4	36	es	Qe7	56			
17	Bg1	Qe7	37	Kg2	Qe7	57			
18	h3	Nf6	38	Qb3	Qe7	58			
19	Qd2	Nf5	39	Qd1		59			
20	Kec	Qe7	40			60			
SIGNATURE (WHITE): [Signature]				SIGNATURE (BLACK): [Signature]		SIGNATURE (ARBITER): Zhn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Manya Abhishek Pralim		IND		IND		IND		IND		IND	
May Mahan		MYA		MYA		MYA		MYA		MYA	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxc6	Qf7	11	Rc3	Bf8	41	Rc3	Bf8
2	Nf3	Nc6	22	Ng3	Bf7	12	Nc5	Bxc5	42	Nc5	Bxc5
3	Qc4	Bc5	23	Qc2	Qe7	13	Rxc5	1c7	43	Rxc5	1c7
4	c3	Nf6	24	Kg1	Qe6	14	Rb3	Rf7	44	Rb3	Rf7
5	d4	exd4	25	b3	g4	15	Bd3	05	45	Bd3	05
6	e5	d5	26	f4	Qf7	16	Bxc5	Ra7	46	Bxc5	Ra7
7	Bb5	Ne4	27	Qf2	h5	17	b4	Rd7	47	b4	Rd7
8	cxd4	Bb6	28	Ne2	Qg6	18	Rxc6	Rxc6	48	Rxc6	Rxc6
9	Nc3	Bf5	29	g3	c6	19	Rxc6	1c7	49	Rxc6	1c7
10	h3	h6	30	Qh2	Qe4	20	Rxc6	Rb7	50	Rxc6	Rb7
11	Be3	a6	31	Nc3	Qd3	21	a4	Kf7	51	a4	Kf7
12	Bxc6	bxc6	32	Qc2	Qxc2	22	h5	Rb8	52	h5	Rb8
13	Rc1	Qd7	33	Rxc2	Bf5	23	a6	Ra8	53	a6	Ra8
14	Qa4	O-O	34	Rcc1	Ra8	24	ax	Kg7	54	ax	Kg7
15	O-O	f6	35	Na5	Bg5	25	b5	1c7	55	b5	1c7
16	Kh2	Ng5	36	Rd2	Bd3	26	Bc5	1c7	56	Bc5	1c7
17	Nxg5	fxg5	37	Rh2	g6	27	b6	Kf7	57	b6	Kf7
18	f3	Qe6	38	Nc5	Bb5	28	b7	g5	58	b7	g5
19	Re1	Bxh3	39	Nxd3	Ba3	29	bxa8=Q	gxft	59	bxa8=Q	gxft
20	Ne2	Bf5	40	Rcc2	Rf7	30	Qf8#		60	Qf8#	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Manya Abhishek Pralim		IND		IND		IND		IND		IND	
May Mahan		MYA		MYA		MYA		MYA		MYA	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	a0e5	21	Qxc6	67 Qf7	77	Rc3	27 Bf8	69	Rc3	27 Bf8
2	Nf3	a1 Nc6	22	Ng3	66 Bd7	78	Nc5	26 Bxc5	70	Nc5	26 Bxc5
3	Bc4	a1 Bc5	23	Qc2	66 Qe7	79	Rxc5	27 Kf8	69	Rxc5	27 Kf8
4	c3	a1 Nf6	24	Qc2	61 Qe6	74	Rb3	27 Rf7	70	Rb3	27 Rf7
5	d4	a2 exd4	25	b3	51 g4	76	Bd2	27 O5	69	Bd2	27 O5
6	e5	a2 d5	26	f4	48 Qf7	76	Bxa5	26 Rb7	67	Bxa5	26 Rb7
7	Bb5	a2 Ne4	27	Qf2	39 f5	76	b4	24 Rd7	67	b4	24 Rd7
8	cxd4	a2 Bb6	28	Ne2	38 Qg6	76	Rxc6	25 Rxc6	68	Rxc6	25 Rxc6
9	Nc3	a3 Bf5	29	g3	38 c6	74	Rxc6	25 Kg7	68	Rxc6	25 Kg7
10	h3	a1 f6	30	Qh2	33 Qe4	73	Bb6	25 Rb7	66	Bb6	25 Rb7
11	Be3	a1 a6	31	Nc3	32 Qd3	73	a4	26 Kf7	65	a4	26 Kf7
12	Bxc6	a1 Bxc6	32	Qc2	29 Qxc2	72	a5	26 Rb8	66	a5	26 Rb8
13	Rc1	a0 Qd7	33	Qxc2	30 Bf5	70	a6	26 Rb8	64	a6	26 Rb8
14	Qa4	88 O-O	34	R2c1	29 Kac8	70	Q7	26 Kf7	65	Q7	26 Kf7
15	O-O	89 f6	35	Na4	28 Ba5	70	b5	27 Kf7	65	b5	27 Kf7
16	Km2	88 Ng5	36	Re2	28 Bd3	69	Bc5	27 Kg7	65	Bc5	27 Kg7
17	Nxg5	84 fxg5	37	Rh2	29 g6	70	b6	28 Kf7	65	b6	28 Kf7
18	f3	83 Qe6	38	Nc5	29 Bb4	70	b7	28 g5	63	b7	28 g5
19	Re1	76 Bxh3	39	Nxd3	28 Ba3	70	bxa8=Q	28 gxft	63	bxa8=Q	28 gxft
20	Ne2	72 Bf5	40	Rcc2	28 Rf7	70	Qf8#	28		Qf8#	28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 19-07-26 Board: 18

VARENYA LAKSHMI VAKA				IND		IND		RESULT (W)		1/2					
THANTHULAGE HESANYA				SRI		SRI		RESULT (B)		1/2					
WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK	
1	e4	c5	21	Qf4	f5	11									
2	Nc3	Nc6	22	Ng5	h6	12									
3	Bb5	Nd4	23	Nh3	Bb6	13									
4	f4	Nxb5	24	Qf2	Be5	14									
5	Nxb5	d5	25	Nf4	Bxf4	15									
6	exd5	Nf6	26	Bxf4	Qd4	16									
7	Nc3	Nxd5	27	Be3	Qg4	17									
8	Nxd5	Qxd5	28	Qf4	Qxf4	18									
9	Nf3	e6	29	Rxf4	Bc8	19									
10	d3	Bd6	30	Rd1	Rd8	20									
11	Be3	O-O	31	Bd2	Re2	21									
12	O-O	b6	32	Rf2	Rd8	22									
13	Qe2	Ba6	33	Bc3	R2e7	23									
14	Qf2	Rac8	34	Bd2		24									
15	b3	Qc6	35			25									
16	Rd1	Qc7	36			26									
17	Nd2	Rcd8	37			27									
18	Ne4	Be7	38			28									
19	f5	exf5	39			29									
20	Qxf5	Qd7	40			30									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026-07-19 Board: 18

WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK			
Varenya Lakshmi Vaka				IND		RESULT (W)		1/2									
Thanthulage Hesanya				SRI		RESULT (B)		1/2									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qf4	f5	41											
2	Nc3	Nc6	22	Ng5	h6	42											
3	Bb5	Nd4	23	Nh3	Bd6	43											
4	f4	Nxb5	24	Qf2	Bc5	44											
5	Nxb5	d6	25	Nf4	Bxf4	45											
6	exd5	Nf6	26	Bxf4	Qd4	46											
7	Nc3	Nxd5	27	Be3	Qg4	47											
8	Nxd5	Qxd5	28	Qf4	Qxf4	48											
9	Nc3	e6	29	Rxf4	Bc8	49											
10	d3	Bd6	30	Rc1	Rf8	50											
11	Be3	O-O	31	Bd2	Re2	51											
12	O-O	b6	32	R4 f2	Rd8	52											
13	Qe2	Ba6	33	Bc3	R2e7	53											
14	Qf2	Rac8	34			54											
15	b3	Qc6	35			55											
16	Rd1	Qc7	36			56											
17	Nd2	Rcd8	37			57											
18	Ne4	Be7	38			58											
19	f5	exf5	39			59											
20	Qxf5	Qd7	40			60											
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)									

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:41

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Luo, Zhen zhen		Zhang, Weilai		CHN		CHN		1/2		1/2	
Zhang, Weilai		Luo, Zhen zhen		CHN		CHN		1/2		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bf1	0-0	41	a3	Rd5			
2	c4	e6	22	Qc2	Re8	42	Rg6	Kc7			
3	Nc3	Be7	23	Rh3	Qd6	43	Rf6	Rd3			
4	cd	ed	24	Qf2	Nf6	44	Kc2	Re3			
5	Bf4	c6	25	Bd3	g6	45	Rf5	Kd6			
6	e3	Bf5	26	Rf3	Nf4	46	Rf5	Re2			
7	Nf2	Nd7	27	Qd3	Qf3	47	Kc3				
8	Nf3	Bg6	28	Rf3	f5	48					
9	Be2	Nf6	29	Rh3	Re7	49					
10	h4	h5	30	Kd2	Nc4	50					
11	Qd3	Nb6	31	Bc4	d4	51					
12	Be5	Nd7	32	Rh3	Kc7	52					
13	Bf4	Bh4	33	Rh3	Nf6	53					
14	0-0	Bg3	34	Nc3	Nc4	54					
15	Bg3	h4	35	Nc4	Re4	55					
16	Rh2	Rh7	36	Rf3	Re6	56					
17	Rh1	h3	37	Kc3	b5	57					
18	Rh7	Bh7	38	Kd6	Kb6	58					
19	Bh7	g4	39	Kc3	c5	59					
20	Nd1	Qf6	40	d5	Rd6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Luo, Zhen zhen				Zhang Weilai				Yang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:41

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Luo, Zhen zhen		Zhang, Weilai		CHN		CHN		1/2		1/2	
Zhang, Weilai		Luo, Zhen zhen		CHN		CHN		1/2		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bf1	0-0	41	a3	Rd5			
2	c4	e6	22	Qc2	Re8	42	Rg6	Kc7			
3	Nc3	Be7	23	Rh3	Qd6	43	Rf6	Rd3			
4	cd	ed	24	Qf2	Nf6	44	Kc2	Re3			
5	Bf4	c6	25	Bd3	g6	45	Rf5	Kd6			
6	e3	Bf5	26	Rf3	Nf4	46	Rf5	Re2			
7	Nf2	Nd7	27	Qd3	Qf3	47	Kc3				
8	Nf3	Bg6	28	Rf3	f5	48					
9	Be2	Nf6	29	Rh3	Re7	49					
10	h4	h5	30	Kd2	Nc4	50					
11	Qd3	Nb6	31	Bc4	d4	51					
12	Be5	Nd7	32	Rh3	Kc7	52					
13	Bf4	Bh4	33	Rh3	Nf6	53					
14	0-0	Bg3	34	Nc3	Nc4	54					
15	Bg3	h4	35	Nc4	Re4	55					
16	Rh2	Rh7	36	Rf3	Re6	56					
17	Rh1	h3	37	Kc3	b5	57					
18	Rh7	Bh7	38	Kd6	Kb6	58					
19	Bh7	g4	39	Kc3	c5	59					
20	Nd1	Qf6	40	d5	Rd6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Luo Zhen zhen				Zhang Weilai				Yang			

18:20

Fang

 $18 = x$

	SIXTH
--	-------

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.19 Board: 2/

WHITE		BLACK		FED		RESULT (0)	
Zhang Jialan		Yang Youling		CHN		0	
WHITE		BLACK		FED		RESULT (0)	
Zhang Jialan		Yang Youling		CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Qf2	Nh5	41	Ra2
2	c4	c6	22	f4	Be3	42	Kg3
3	Nf3	Nf6	23	b6	Be4	43	Kh4
4	Nc3	e6	24	Be4	Re4	44	Kh5
5	e3	Nbd7	25	Rd5	Nf6	45	Kg4
6	Bd3	dc	26	Re5	Ad7	46	Kg5
7	Bc4	b5	27	Re8	Qc8	47	Bd3
8	Bd3	Bd6	28	Bd4	Qe6	48	Qg7
9	O-O	O-O	29	f5	Re7	49	Kf4
10	a3	Bb7	30	Bf6	Qf6	50	Ke4
11	c4	e5	31	Qa7	Re8	51	Kd4
12	de	Ne5	32	Qc5	N5	52	Kc5
13	Ne5	Be5	33	Qb4	Re3	53	Kb6
14	h3	ab	34	Rc1	Qf5	54	h4
15	Be3	Rg8	35	Ad4	Qe6	55	Kc5
16	Bc5	Re8	36	Ad8	Kh7	56	Kc4
17	Ac2	Na7	37	Qd1	Re5	57	Kc3
18	Be3	c5	38	Qd2	Qe4	58	Kd4
19	f3	Nf6	39	Rc2	Re1	59	Kc3
20	Ra1	Ac7	40	Kf2	Re1	60	Kc4

SIGNATURE (WHITE) Zhang Jialan SIGNATURE (BLACK) Yang Youling SIGNATURE (ARBITER) Zhu

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.19 Board: 2/

WHITE		BLACK		FED		RESULT (0)	
Zhang Jialan		Yang Youling		CHN		0	
WHITE		BLACK		FED		RESULT (0)	
Zhang Jialan		Yang Youling		CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Qf2	Nh5	41	Ra2
2	c4	c6	22	f4	Bxc3	42	Kg3
3	Nf3	Nf6	23	b6	pxe4	43	Kxh4
4	Nc3	e6	24	Bxc4	Rxc4	44	Kh5
5	e3	Nbd7	25	Rd5	Nf6	45	Kg4
6	Bd3	dc	26	Rxc5	Qa7	46	Kg5
7	Bxc4	b5	27	Rxc8	Rxc8	47	Qd3
8	Bd3	Bd6	28	Bd4	Qe6	48	Qxg6
9	O-O	O-O	29	f5	Qe7	49	Kf4
10	a3	Bb7	30	Bxf6	Qxf6	50	Ke4
11	e4	e5	31	Qa7	Re8	51	Kd4
12	de	Nxe5	32	Qc5	h5	52	Kc5
13	Nxe5	Bxe5	33	Qb4	Re3	53	Kb6
14	h3	ab	34	Rc1	Qf5	54	h4
15	Be3	Rc8	35	Qd4	Qe6	55	Kc5
16	Bc5	Re8	36	Qd4	Kh7	56	Kc4
17	Qc2	Nd7	37	Qd1	Qe5	57	Kc3
18	Be3	c5	38	Qd2	Qe4	58	Kd4
19	f3	Nf6	39	Rc2	Re1	59	Kc3
20	Ra1	Ac7	40	Kf2	Re1	60	Kc4

SIGNATURE (WHITE) Zhang Jialan SIGNATURE (BLACK) Yang Youling SIGNATURE (ARBITER) Zhu

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.12.26 Round 22

WHITE				BLACK			
Truong Nguyen Thien An				VIE			
Khobva Amal				TJK			
RESULT (W)				1/2			
RESULT (B)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e6	21	f6	Bg5	11	Ke2
2	Nf3	Nf6	22	Rb1	h5	12	Ke2
3	c3	Nf6	23	Ng5	Qg5	13	Ke2
4	d4	ed	24	Qf4	Qf4	14	Rc4
5	e5	Nf5	25	Rf4	Nd4	15	Rc4
6	Qb3	Nb6	26	Rc2	c5	16	Ke2
7	cd	d5	27	b4	Rc4	17	Rd4
8	Bb5	Bd2	28	h2	Rhe2	18	ba
9	0-0	Be2	29	Nc1	Nb5	19	Rb7
10	Nc3	h6	30	au	Nd6	20	Rc4
11	Be2	Bf4	31	Rb2	Nc4	21	Ke2
12	Qd1	0-0	32	Rb3	d4	22	Ke2
13	h3	Bh5	33	au	Re4	23	Ke2
14	Be3	f6	34	Re4	h4	24	Ke2
15	e1	Bf6	35	Rd5	Ke3+	25	Rh4
16	Q3	Re8	36	Kf3	Nd1	26	Rb7
17	Q4	Bg6	37	Rd1	Re3+	27	Kb3
18	Bd6	Bd3	38	Kc2	Rh3	28	Kb2
19	Qd3	Nc4	39	Rd4	Rb3	29	Kc3
20	b2	Nes	40	au	Kc0	30	Rc4
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.12.26 Round 22

WHITE				BLACK			
Thien An				VIE			
Amal				TJK			
RESULT (W)				1/2			
RESULT (B)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Kf6	Rh7	21			11	
2	Rd5	Kc4	22			12	
3	a5	Rh8	23			13	
4	a4	Rb4	24			14	
5	Rd4	Kf3	25			15	
6	c5	Rb8	26			16	
7	Ka6	Rf8	27			17	
8	Rd5	Ke4	28			18	
9	Kb7	Rh8	29			19	
10	Rd2	Ke5	30			20	
11	a3	Rh1	31			21	
12			32			22	
13			33			23	
14			34			24	
15			35			25	
16			36			26	
17			37			27	
18			38			28	
19			39			29	
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Tang			

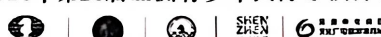
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.12.26 Round 22

WHITE				BLACK			
Truong Nguyen Thien An				VIE			
Khobva Amal				TJK			
RESULT (W)				1/2			
RESULT (B)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e5	21	Qf6	Dg5	11	Kf8
2	Nf3	Nc6	22	Rd1	Qh6	12	Ke7
3	c3	Nf6	23	Ng5	Qg5	13	Ke6
4	d4	ed	24	Qf5	Qf5	14	Re5
5	e5	Nd5	25	Rf5	Nc4	15	Rh6
6	Qb3	Nb6	26	Rf2	G6	16	Kg5
7	cd	d5	27	b4	Re7	17	Rs
8	Bb5	Bd7	28	kg2	Rad8	18	Rb4
9	0-0	Be1	29	Nd1	Nb5	19	Kf5
10	Nc3	a6	30	au	Nd7	20	Vh6
11	Be2	Bg4	31	Rb2	Nf4	21	Kg6
12	Qd1	0-0	32	Rb3	d4	22	Kf6
13	R3	Bh5	33	e4	Re4	23	Ke6
14	Be3	f6	34	Rd4	Re4	24	Rb5
15	er	Bf6	35	Rd3	Nc3	25	Ke6
16	a3	Re8	36	Nd3	Kf3	26	Ra5
17	g4	Bg6	37	Nd1	Rd1	27	Ra4
18	Bd3	Bd3	38	Re3	Kf2	28	Ra1
19	Od3	Nc4	39	Rb3	Re4	29	Ra5
20	b3	Nc3	40	Rb3	a5	30	Kc5
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.12.26 Round 22

WHITE				BLACK			
Truong Nguyen Thien An				VIE			
Khobva Amal				TJK			
RESULT (W)				1/2			
RESULT (B)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Rh7	Rd5	21			11	
2	Kc4	a5	22			12	
3	Rh8	a4	23			13	
4	Kb4	Rd4+	24			14	
5	Kc3	c5	25			15	
6	Rb7+	Ka6	26			16	
7	Rc1	Rd5	27			17	
8	Kc5	Kb7	28			18	
9	Rh6	Rd7	29			19	
10	Ke9	a3	30			20	
11	Rh1		31			21	
12			32			22	
13			33			23	
14			34			24	
15			35			25	
16			36			26	
17			37			27	
18			38			28	
19			39			29	
20			40			30	
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: Jul. 19th

Group: G12
Round: 5
Board: 23

WHITE Xu Wen				FED CHN				RESULT (N) 1/2			
BLACK Shen Suyan				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	01	Rd1	Rd7	41					
2	d4	d5	22	b3	Rc7	42					
3	e5	e5	23	b.c	Rc9	43					
4	c3	Nc6	24	Rb3	Rd8	44					
5	Nf3	Qb6	25	Rd3	Rd7	45					
6	a3	c9	26	Bd2	Rd67	46					
7	Be2	Nge7	27	Rf3	Bf8	47					
8	Nbd2	Nc5	28	J4	g5	48					
9	0-0	b6	29	Rd3	Rf6	49					
10	Rb1	Bd7	30	Rf3	R=7	50					
11	h3	Ng6	31	Rd3		51					
12	Kh1	0-0	32			52					
13	Nh2	Nh4	33			53					
14	Nf3	Nf3	34			54					
15	Bf3	Be7	35			55					
16	Qe1	Ba4	36			56					
17	Bd1	Bd3	37			57					
18	Bd3	Nb3	38			58					
19	Nb3	Qb3	39			59					
20	Qd1	Qd1	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu Wen				SIGNATURE (BLACK) Shen Suyan				SIGNATURE (ARBITER) Tong			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.19

Group: G12
Round: 5
Board: 23

WHITE Xu Wen				FED CHN				RESULT (N) 0-5			
BLACK Shen Suyan				FED CHN				RESULT (B) 0-5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.90	e6.90	21	Rd1.	Rd7.	41					
2	d4.	d5.	22	b3.	Rc7.	42					
3	e5.	c4.	23	b.c.	Rc4.	43					
4	c3	Nc6.	24	Rb3	Rd8.	44					
5	Nc3.	Qb6.	25	Rd3.	Rd7.	45					
6	g3.	c4.	26	Bd2.	Rd7.	46					
7	Be2.	Nge7.	27	Rf3.	Bf8.	47					
8	Nbd2.	Nc5.	28	g4.	g5.	48					
9	0-0.	h6.	29	Rd3.	Rc6.	49					
10	Rb1.87	Bd7.	30	Rd3.	Rc7.	50					
11	h3.	Ng6.	31	Rd3.		51					
12	Kh1.	0-0	32			52					
13	Nh2.	Nh4.	33			53					
14	Nf3	Nf3.	34			54					
15	Bf3	Bd7.	35			55					
16	Qe1	Ba4.	36			56					
17	Bd1.	Bb3.	37			57					
18	Bb3.	Nb3.	38			58					
19	Nb3.	Qb3.	39			59					
20	Qd1.	Qd1.	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu Wen				SIGNATURE (BLACK) Shen Suyan				SIGNATURE (ARBITER) Tong			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/09 Month 09

WHITE				BLACK			
Ashraf Lana Aesya				Shakhova Mariya			
FID 1445				FID 1445			
RESULT (0)				RESULT (0)			
0				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	h4	h5	41	h4
2	c4	e6	22	h5	b6	42	b4
3	kc3	kf6	23	h3	f5	43	h4
4	g5	g6	24	h4	h5	44	h4
5	kf3	h6	25	h4	h5	45	h4
6	ch4	ce4	26	h4	h5	46	h4
7	e3	q5	27	h4	h5	47	h4
8	q4	ka6	28	h4	h5	48	h4
9	ce2	kb4	29	h4	h5	49	h4
10	o-o	o-o	30	h4	h5	50	h4
11	ka2	ka2	31	h4	h5	51	h4
12	h4	h5	32	h4	h5	52	h4
13	h5	d:c	33	h4	h5	53	h4
14	h4	h5	34	h4	h5	54	h4
15	h4	h5	35	h4	h5	55	h4
16	h4	h5	36	h4	h5	56	h4
17	h4	h5	37	h4	h5	57	h4
18	h4	h5	38	h4	h5	58	h4
19	h4	h5	39	h4	h5	59	h4
20	h4	h5	40	h4	h5	60	h4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Fang				Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7 Month 24

WHITE				BLACK			
Lana, Aesya				Shakhova, Mariya			
FID 1445				FID 1445			
RESULT (0)				RESULT (0)			
0				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Rd4	Nxd5	41	Ke3
2	c4	e6	22	Rxd5	b6	42	bxa4
3	Ng3	Nf6	23	h3	f5	43	h4
4	Bg5	c6	24	Qd4	Rxd5	44	Ke3
5	Nf3	h6	25	axd5	Kh7	45	Ke3
6	Bg4	Be7	26	Rd1	Rf6	46	Ke3
7	e3	as	27	Rd1	Qe6	47	Ke3
8	q4	Nq6	28	Qb5	Qc6	48	Ke3
9	Be2	Nb4	29	Qxc6	Rxc6	49	Kd1
10	o-o	o-o	30	Rc4	Rd6	50	Ke1
11	Na2	Nx2	31	Rd4	Rxd4	51	Kd2
12	Rxa2	Bd7	32	Exd4	Kg6	52	Kd3
13	Nd5	dxc4	33	Kf1	Ke6	53	Kc4
14	Nxd7	Nxd7	34	Ke2	Ke6	54	Kd3
15	Bxe7	Qxe7	35	g3	g5	55	Kd2
16	Bxc4	e5	36	f4	gxf4	56	Kc2
17	d5	Nb6	37	gxf4	Kd6	57	Kb2
18	b3	cx d5	38	Kd2	Kc6	58	Ka1
19	Bxc5	de4	39	Ke2	b5	59	Ka2
20	Rd2	Rd1	40	axb5	Kx15	60	Ka3
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Fang				Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:07

B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B00111		B00111		B00111		B00111	
B							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:07

Nguyen Thi Truc Lam				Lb		Lb		Lb	
Bukhshah A				KQZ		KQZ		KQZ	
#	W	B	#	W	B	#	W	B	
1	Qd2	Qf4	11	KP66	h4	11			
2	Qd8	KP64	22	KQd4	KP65	0			
3	Qd1	KP64	33	Qg7	KP64	13			
4	Qh1	KP64	44	Qh6	KP63	11			
5	Qg1	KP64	55	Qe2	KP61	13			
6	Qb1	KP66	66			11			
7	Qd1	Qf5	77			11			
8	KP66	Qd2	88			13			
9	KP66	Qg2	99			13			
10	KP66	Qb2	100			11			
11	KP66	Qc3	111			11			
12	KP66	Qb4	122			13			
13	KP66	Qe4	133			13			
14	KP66	KP66	144			14			
15	KP65	Qe1	155			15			
16	KP64	Qb8	166			16			
17	KP64	Qc8	177			13			
18	KP65	Qe9	188			16			
19	KP63	Qb8	199			19			
20	KP66	Qc8	200			19			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:07

WHITE				BLACK				17/04/2025			
Nguyen Thi Thu Loan				VIF				RESULT NO 1/1			
Doklybek kyzy, Aliko				K6Z				RESULT ON 1/1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	d5	21	Nd2	Rd8	11	As fe	Ka5			
2	c4	e6	22	Nf3	Rd8	0	Kc9	Ke9			
3	Nc3	Nf6	23	Qd3	Qa7	0	Kb9	Kf9			
4	Bg5	Nb7	24	Qb1	Rc8	11	Ka6	Kg3			
5	e3	c6	25	Nd4	Bd8	11	Ka6	Kg8			
6	Nf3	Be7	26	h3	Nc5	11	b9	f5			
7	Rc1	O-O	27	Bd8	Rd8	0	b5	f4			
8	Bd3	h6	28	Rc1	e5	11	b6	f3			
9	Bh4	dc	29	Nc6	Rd8	11	b2	f2			
10	Be7	c5	30	Qc4	Qb5	11	b8-H	f1-H			
11	O-O	a6	31	Qc4	Qc9	11	Qb5	Qb5			
12	dc	Nc5	32	Rc4	RcP	11	Kb5	Ka3			
13	Qe2	b5	33	Nc5	RcP Rc9	11	a7	g5			
14	Rfd1	Qb6	34	Nc4	Nc7	11	a5	g4			
15	Bd3	Nd3	35	Kf1	Nc6	11	a6	g5			
16	Rd3	Bb7	36	Ke2	Kf8	11	a7	g2			
17	Rcd1	Rc6	37	Ke3	Ke7	11	a4-H	g1-H			
18	Ne5	b4	38	f4	Ke6	11	Qc3	Kf4			
19	Nc6	Qc6	39	e4	h5	11	Qf4	Qg4			
20	Nh4	Qb5	40	Nc5	Nc5	11	Qb8	Kf5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (JUDGED)			
								Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:07

WHITE			BLACK			WHITE			BLACK		
Nguyen Thi Truc Loan						VIF					
Mr BaKtybek Kuziyev						RIS					
d/p						1/p					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qd2	Qf4	21	Kb6	Qf4	41					
2	Qd8	Kg9	22	Qd4	Kg9	42					
3	Qd1	Kf4	23	Qg7	Kf4	43					
4	Qh1	Kg5	24	Qh6	Kg3	44					
5	Qd1	Kf5	25	Qe3	Kg2	45					
6	Qb1	Kf6	26	Qg5		46					
7	Qd1	Qf5	27			47					
8	Kb6	Qf2	28			48					
9	Kc6	Qg2	29			49					
10	Kb6	Qb2	30			50					
11	Kc6	Qc3	31			51					
12	Kb6	Qb4	32			52					
13	Kc6	Qc4	33			53					
14	Kb6	Qc6	34			54					
15	Kb5	Qd8	35			55					
16	Kb9	Qb8	36			56					
17	Kc4	Qc8	37			57					
18	Kb5	Qd8	38			58					
19	Kb6	Qb8	39			59					
20	Kc6	Qc8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)					
											
						SIGNATURE (ARBITER)					
						Fang					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN

深圳

2026

19/10/26

Board 8

Result 1

Result 0

WHITE				BLACK			
Nguyen Huynh Dien Thanh				Dheerada Dorasidh			
FED VIE				FED THA			
Result 1				Result 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Rh1	Ne5	41	Rd8+
2	Nf3	c5	22	Qe2	Qe7	42	Rd7+
3	e3	Nf6	23	Rxe2	dxe4	43	Rxd7
4	c3	Bg4	24	Rd1	Rf4B	44	Kf6
5	Qa4+	Nc6	25	Bf0	Nd3	45	Kc7
6	Ne5	Bd7	26	Bxd3	exd3	46	Kg4
7	Nxd7	Qxd7	27	Rd2	f6	47	Ca
8	Bd3	Rc8	28	Be3	Bxe3	48	C5
9	O-O	e6	29	fxe3	e6	49	C6
10	Nd2	Bd6	30	e4	f5	50	C7
11	dxc5	Bxc5	31	Kf3	fxe4+	51	C8=Q
12	Rd1	O-O	32	Kxe4	Rc4+	52	Qd8+
13	B1	Ng4	33	Kxe4	g6	53	Qxg5
14	Rf1	Qd6	34	Rxd1	Rf8	54	Qf5
15	Ne3	Nd5	35	Rxd3	Rf4+	55	a5
16	Nxg5	Qxd5	36	Ke6	Ac6+	56	ab
17	g3	Qh5	37	Rel6	Rc5	57	Qe4
18	h4	Ne5	38	Rid5	Rfd5	58	a7
19	Qc2	Nf3	39	Rxd5	Rc6+	59	a8=Q
20	Kg2	Qg4	40	Rd6	Rf7	60	Qd7+
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Zmm				Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN

深圳

2026

19/10/26

Board 26

Result 1

Result 0

WHITE				BLACK			
Nguyen Huynh Dien Thanh				Dheerada Dorasidh			
FED VIE				FED THA			
Result 1				Result 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Qh1	D5	21	Xh1	Mx5	41	Xd8
2	Mf3	c5	22	He2	He2	42	Xd7
3	e3	Mf6	23	Te2	de	43	Va7
4	c3	Tg4	24	xdl	xed	44	Ah
5	Hd4	Mc6	25	Te4	md3	45	Rc7
6	Mx5	Ta7	26	Ta3	ed	46	Vb7
7	Ma7	Hd7	27	Xd2	Fb	47	C4
8	Td3	Xcd	28	Te3	Te3	48	C5
9	O-O	Q6	29	Fe	e5	49	C6
10	Md2	Td6	30	e4	F5	50	C7
11	de	Tc5	31	Vb3	le	51	C8=H
12	Xdl	O-O	32	Ven	Xcm	52	Ha2
13	Q1	Mgn	33	Ve5	g6	53	Ha5
14	Xdl	Hd6	34	Xdl	Xf8	54	Hf5
15	Mf3	Mx5	35	xd3	Xf5	55	A5
16	Mx5	Hx5	36	Ve6	Xc6	56	A6
17	g3	Hx5	37	Xd6	Xc65	57	Hen
18	Ah	Mx5	38	Xd5	Xf5	58	A7
19	Hc2	Mf3	39	Xd5	Xc6	59	A8=H
20	Vg2	Hg4	40	Xd5	Xc7	60	Ha7
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Zmm				Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.07.19 Board 27

17:11
Group G12
Round 4

WHITE Elaf Abdullah Shazmeen				FED MDV				RESULT (0)			
BLACK Yi Rui yu				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bf3	Rd3	41	Kd3	Bb2			
2	Nf3	d6	22	Bd3	Nd3	42	Kc4	c2			
3	d4	ad	23	Bd4	Rb4	43	h5	d2			
4	Nd4	Nf6	24	Rd4	Kf8	44	Kd5	Qe5			
5	Kc3	a6	25	Rd1	Qf6	45					
6	Bd3	e5	26	Qd2	Qf5	46					
7	Nf3	Nc6	27	Kc1	Rb8	47					
8	Qd2	Be7	28	Kd1	Rb1	48					
9	O-O	O-O	29	Ke2	Rc2	49					
10	h3	b5	30	Nd2	Rb2	50					
11	Nb5	Nc4	31	Kd3	Rc3	51					
12	Qe2	f5	32	Kc4	Rd2	52					
13	Bb6	ad	33	Qd2	Rd2	53					
14	Nd7	Qe7	34	Bb3	Qd2	54					
15	g4	Rb8	35	Kd3	Qd	55					
16	Qf	Bf5	36	Kc3	Rb8	56					
17	Be3	Nb4	37	Kb4	Qd2	57					
18	Kd1	Kc2	38	Kc3	Rc4	58					
19	Rd3	Nc3	39	Bc4	bc	59					
20	fe	Ng3	40	h4	c3	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Cus</i>				SIGNATURE (BLACK) Yi Rui yu				SIGNATURE (ARBITER) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.7.2026 Board 27

17:11
Group G12
Round 5

WHITE Elaf Abdullah Shazmeen				FED MDV				RESULT (0)			
BLACK Yi Rui yu				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qg2	Bxc3	41	Kc3	Qb1			
2	Nf3	d6	22	Qe2	Nxd1	42	Kc4	c2			
3	d4	cxd4	23	Qe4	Rd8	43	h5	c1=Q			
4	Nxd4	Nf6	24	Bd5	Kf8	44	Kd5	Qe5			
5	Nc3	a6	25	Qxh1	Qf6	45					
6	Qe3	e5	26	Qg2	Qf5	46					
7	Nf3	Nc6	27	Kc1	Rc8	47					
8	Qe2	Be7	28	Kd1	Qb1	48					
9	O-O	O-O	29	Ke2	Rc2	49					
10	h3	b5	30	Nd2	Qxb2	50					
11	Nd6	Nxe4	31	Kd3	Qc3	51					
12	Qe2	f5	32	Kc4	Rxd2	52					
13	Bb7	Qd7	33	Qxe2	Qe2	53					
14	Nxe7	Qxe7	34	Bb3	Qg2	54					
15	g4	Rb8	35	Kd3	e3	55					
16	Qf5	Bf5	36	Kc3	Rc8	56					
17	Qe3	Nb4	37	Kb4	Qd2	57					
18	Kc1	Nxc2	38	Ka3	Rc4	58					
19	Rd3	Nxe3	39	Bxc4	bxc4	59					
20	Rxe3	Ng3	40	h4	c3	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Cus</i>				SIGNATURE (BLACK) Yi Rui yu				SIGNATURE (ARBITER) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 28
Round: 5

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
1				21				31				41			
2				22				32				42			
3				23				33				43			
4				24				34				44			
5				25				35				45			
6				26				36				46			
7				27				37				47			
8				28				38				48			
9				29				39				49			
10				30				40				50			
11				31				41				51			
12				32				42				52			
13				33				43				53			
14				34				44				54			
15				35				45				55			
16				36				46				56			
17				37				47				57			
18				38				48				58			
19				39				49				59			
20				40				50				60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Liu Yuan				Yao Kaijun				Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 28
Round: 5

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
1				21				31				41			
2				22				32				42			
3				23				33				43			
4				24				34				44			
5				25				35				45			
6				26				36				46			
7				27				37				47			
8				28				38				48			
9				29				39				49			
10				30				40				50			
11				31				41				51			
12				32				42				52			
13				33				43				53			
14				34				44				54			
15				35				45				55			
16				36				46				56			
17				37				47				57			
18				38				48				58			
19				39				49				59			
20				40				50				60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Liu Yuan				Yao Kaijun				Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/19 Board: 29

WHITE				BLACK				
Cao Yuxuan				Wang Alison				
FED CHN				FED TPE				
RESULT 0				RESULT 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc5	Nd4	11	Ka5	Kc5
2	c3	Nf6	22	Nd7	Nf3	12	Kab	g5
3	e5	Nd5	23	gf	Rc3 Rf4	13	a4	g4
4	d4	ad	24	f4	Ba5	14	a5	Kc6
5	ad	d6	25	Re3	Rac8	15	Ka7	h5
6	Bc4	Nb6	26	Red3	Rc2	16	ab	Kc7
7	Bb3	eb	27	b4	Bc7	17	Ka8	h4
8	Nc3	de	28	a3	h6	18	a7	Kc8
9	de	Qd1	29	Nc5	Rc3	19	h3	Kc7
10	Kd1	Bd7	30	Rd3	Bb6	20	hg	h3
11	Nf3	Be7	31	Nb7	Rf2	51	g5	h2
12	Kc2	Bc6	32	Ke1	Rf4	52	g6	h1=q
13	Bc3	Nbd7	33	Rd6	Re4	53		
14	Bd4	o-o	34	Kd1	Rd4	54		
15	Rad1	Bc8	35	Rd4	Bd4	55		
16	Rhe1	Nc8	36	Nc5	Bc5	56		
17	Ba4	Ne7	37	bc	Kf8	57		
18	Bc6	Nc6	38	Kc2	Ke7	58		
19	Kf1	a6	39	Kc3	Kd7	59		
20	Ne4	Bc7	40	Kb4	Kc6	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Cao Yuxuan				Tang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/19 Board: 29

WHITE				BLACK				
Cao Yuxuan				Alison Wang				
FED CHN				FED TPE				
RESULT 0				RESULT 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc5	Nd4	11	a4	g4
2	c3	Nf6	22	Nxd4	Nxd4	12	a5	Kc6
3	ex e5	Nd5	23	Nxd4	Nxd4	13	Ka7	Ka7 a5
4	d4	cxd4	24	Nc3	Nxd3	14	K	h8 a4
5	Gd4	d6	25	gxd3	Rxd3	15	Ka8	Kc8
6	Bxc4	Nb6	26	Bd5	Rac8	16	h3	Kc7
7	Bb3	e6	27	Rc2	b4	17	hg	h3
8	Nc3	axb5	28	a3	b5	18	hg	h2
9	axb5	Qxd1	29	Nc5	Rd6	19	g3	h1=O-H
10	Kxd1	Bd7	30	Rd3	Bb6			
11	Nf3	Be7	31	Nb7	Rf2			
12	Ke1	Rc6	32	K	e			
13	Bc3	Nb6	33	K	d			
14	Bd4	0-0	34	K	d			
15	Rd1	Bd8	35	Rd4	Nc7			
16	Rhe1	Nc8	36	Bx5	b5			
17	Ba4	Ne7	37	Kc2	Ke7			
18	Bxc6	Nxc6	38	Kc3	K			
19	Bxc6	Nxc6	39	K	a5			
20	Kf1	a6	40	Kb4	Kxc6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Cao Yuxuan				Tang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G12**
Round **5**
Date
Board **30**

WHITE Nihana snrestha				BLACK Zhiying Huang				RESULT (1)			
WHITE				BLACK				RESULT (2)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf5	Nc4	41	Bd3	Kd6			
2	Nf3	Nc6	22	Ne3	Nb3	42	Nb4	Nxb4			
3	Bb5	a6	23	f3	Bc5	43	Kxb4	Bc6			
4	Ba4	Nf6	24	Kf1	Bg6	44	Kg5	Bc8			
5	O-O	Be7	25	b3	Nh5	45	h4	gxh4			
6	Re1	b5	26	Nxh5	Bxh5	46	Kxh4	Bd7			
7	Bb3	d6	27	Nf5	F6	47	h4	Bc8			
8	c3	Bb6	28	Be3	Bxe3	48	Ka5	Kc5			
9	h3	Ba5	29	Nxe3	Rd7	49	b4	Kd6			
10	d3	O-O	30	Ra4	Ra8	50	Bxa6	Kc7			
11	Nbe2	Re8	31	Rxd7	Rxd7	51	Bxc8	Kxc8			
12	Nf1	h6	32	Rd1	Rxd1	52	b4	Kb7			
13	Ng3	Bg6	33	Bxd1	Bf7	53	g3	g5			
14	d4	Bf8	34	Be2	Kf8	54	g4	Ka7			
15	dxe5	dxe5	35	Ke2	Nd2	55	b6	Kb8			
16	Qxd8	Rxd8	36	c4	c6	56	Kb5	Kb7			
17	Nh4	Bh7	37	Cxb5	Cxb5	57	Kc5	Kb8			
18	Nh5	Na5	38	Kd2	Kb8	58	Kd6	Kb7			
19	Bc2	Nc4	39	Kc3	Nc6	59	Ke6	Kxb6			
20	Ne3	Nb6	40	Nc7	Bd3	60	Kxf6				
SIGNATURE (WHITE) Nihana				SIGNATURE (BLACK) Huang zhiying				SIGNATURE (WHITE) Tang			

18:46

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G12**
Round **5**
Date
Board **30**

WHITE shrestha, Nihana				BLACK Huang zhiying				RESULT (1)			
WHITE				BLACK				RESULT (2)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf5	Nc4	41	Bd3	Nb5			
2	Nf3	Nc6	22	Ne3	Nb6	42	Nb5	Nxb5			
3	Bb4	a3	23	f3	Bc5	43	Kxb5	Bc6			
4	Nf6Ba5	0Nf6	24	Kc1	Bg6	44	Ka5	Bc8			
5	O-O	Bd7 Be7	25	b3	Nah4	45	a5	ba			
6	Rd1 Re1	b4	26	Nxh4	Bxh4	46	Kxa4	Bd7			
7	Bbb	d3	27	Nf5	f6	47	Kb5	Bc8			
8	c3	Ba4	28	Be3	Bxe3	48	Ka5	Kc5			
9	h3	Bh5	29	Nxe3	Rd7	49	b4	Kd6			
10	d3	O-O	30	Rd1	Rd8	50	Bxa	Kc7			
11	Nd2	Re8	31	Rxd8	Rxd8	51	Bxe8	Kxc8			
12	Nf1	Ph3	32	Rd1	Rxd1	52	b5	Kb7			
13	Ng3	Bg3	33	Bxd1	Bf7	53	g3	g5			
14	e4	Baf8	34	Bae2	Kc8	54	g4	Ka7			
15	de	de	35	Ke1	Nd7	55	bb	Kb8			
16	Qxd8	Rxd8	36	c4	c6	56	Kb5	Kb7			
17	Nh4	Bh7	37	cb	cb	57	Kc5	Kb8			
18	Nf4	Na5	38	Kd2	Nb8	58	Kd6	Kb7			
19	Bc2	Nc4	39	Kc3	Nc6	59	Kd6	Kxb6			
20	Ah3 Ne3 Nb6		40	Nc2	Ke7	60	Kof6				
SIGNATURE (WHITE) Huang zhiying				SIGNATURE (BLACK) Huang zhiying				SIGNATURE (WHITE) Tang			

hgfedcba

18:46

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: Board 31

WHITE			BLACK		
Wong Lihui			CHW		
PLAYER 1			PLAYER 2		
Tuan Ngoc Minh Khuu			VIE		
WHITE			BLACK		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf5	Rd8
2	Nc3	d4	22	Rd1	Rc1 K
3	e6	cd	23	Rf1	Rd7
4	d4	Nf6	24	Nd4	Kg6
5	Bg5	db	25	g4	Rc8
6	Nf3	Bd7	26	Kg2	Rc4
7	Bd3	Nc6	27	f5	Kg5
8	O-O	h6	28	Kg3	Bd4
9	Bh4	O-O	29	h4	Kf6
10	Nc2	Qb6	30	cd	Rc2
11	Qb1	Qc8	31	Rb1	h5
12	c3	e5	32	gh	Kf5
13	de	Ne5	33	Re5	Kf6
14	Ne5	Qe5	34	Rf1#	
15	f4	Oh5	35		
16	Bf6	Bf6	36		
17	Bh7	Kh8	37		
18	Ng3	Qg5	38		
19	Bf5	Bf5	39		
20	Qf5	Qf5	40		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)		
Wong Lihui			Khan		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: Board 31

WHITE			BLACK			FID			CHN			RESULT (G)		
Wang, Lihui						FID			VIE			0		
Tran Ngoc Minh Khai												RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	e4	c6	21	Nf5	Rd8	41								
2	Nc3	d5	22	Rd1	Kh7	42								
3	ed5	cd5	23	Rc1	Rd7	43								
4	d4	Nf6	24	Nd4	Kg6	44								
5	Bg5	e6	25	g4	Rc8	45								
6	Nf3	Be7	26	Kg2	Rc4	46								
7	Bd3	Nc6	27	F5	Kg5	47								
8	O-O	h6	28	Kg3	Bd4	48								
9	Bh4	O-O	29	h4	Kf6	49								
10	Ne2	Qb6	30	cd	Rc2	50								
11	Qb1	Qc7	31	Rb1	h5	51								
12	c3	e5	32	gh5	Bb1	52								
13	de5	Nc5	33	Bb1	Kf6	53								
14	Ne5	Qe5	34	Rf1		54								
15	f4	Qh5	35			55								
16	Bf6	Bf6	36			56								
17	Bh7	Kh8	37			57								
18	Ng3	Qg4	38			58								
19	Bf5	Bf5	39			59								
20	Qf5	Qf5	40			60								
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)						
Wang Lihui				Khan				Bong						

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:57

Group G12				Round 5				Date 7.19				Board 32			
White Zhang Xiao yao				FED CHN				Result (1)				0.5			
Black Chen Yuezhen				FED CHN				Result (2)				0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	11	b3	h6	11	kd2	ke7							
2	fh	e6	12	Nf3	Ne2	12	kd3	g5							
3	Nf3	Nc6	13	Ne2	Nc4	13	kd4	kd6							
4	d4	cd	14	Qe1	Qe3	14	g5c5	ke7							
5	Nd4	Nf6	15	Qd2	g6	15	h4	h9							
6	e5	Nd5	16	Qe1	Bg7	16	h4	g6							
7	ct	Nb6	17	Rc1	Nd2	17	g6	g6							
8	Nc3	ab	18	Rc3	Nf3	18	Neg4	e5							
9	Qd7	Be2	19	Rf3	Qd2	19	kd3	ke6							
10	db	Be2	20	Qd2	Rd2	20	Nd6	Bf6							
11	Bd6	ed	21	Rf6	Rd2	21	Nd4	a5							
12	0-0	0-0	22	kg1	Rd8	22	cb	a4							
13	Ne4	Be7	23	kd2	Rd8	23	cl	Be4							
14	Nf3	Rd8	24	b3	Bc6	24	ket	f5							
15	Qc2	Nd7	25	Rcd3	b5	25	kd3	e4							
16	Ng3	Bc5	26	kel	Rd3	26	kc4	kd7							
17	Bc5	Nc5	27	Rd3	bc	27	c8-Q	kc8							
18	Ng5	g6	28	bc	Rc2	28	h5	e3							
19	Qc3	Qb6	29	Re3	Rc3	29	h6	e2							
20	Kd1	Nd4	30	Nc3	kd8	30	h7	e1-Q							
SIGNATURE (WHITE) Zhang Xiao yao				SIGNATURE (BLACK) Chen Yuezhen				SIGNATURE (ARBITER) Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:57

Group G12				Round 5				Date 7.19				Board 32			
White Zhang Xiao yao				FED CHN				Result (1)				2.5			
Black Chen Yuezhen				FED CHN				Result (2)				0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	h6-Q	kd7	11			11									
2	Qd4	ket	12			12									
3	Qc5	kf6	13			13									
4	Qf8	kg5	14			14									
5	Qg7	kf4	15			15									
6	Qh6	kg4	16			16									
7	Qg6		17			17									
8			18			18									
9			19			19									
10			20			20									
11			21			21									
12			22			22									
13			23			23									
14			24			24									
15			25			25									
16			26			26									
17			27			27									
18			28			28									
19			29			29									
20			30			30									
SIGNATURE (WHITE) Zhang Xiao yao				SIGNATURE (BLACK) Chen Yuezhen				SIGNATURE (ARBITER) Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:57

Group G12				Round 5				Date 7.17				Board 32			
White Zhang Xiao yao				FED CHN				Result (1)				0.5			
Black Chen Yuezhen				FED CHN				Result (2)				0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	h7	et	21	Ne3	h8	11	Nc3	h8							
2	fh	et	22	kd2	ke7	12	kd3	g5							
3	Nf3	Nc6	23	kd3	g5	13	kd4	kd6							
4	d4	cd	24	kd4	kd6	14	g5	ke7							
5	Nd4	Nf6	25	g5	ke7	15	h4	h9							
6	e5	Nd5	26	h4	g6	16	h4	g6							
7	ct	Nb6	27	Qd2	g6	17	Qd2	g6							
8	Nc3	ab	28	Qd2	g6	18	Qd2	g6							
9	Qd7	Be2	29	Qd2	g6	19	Qd2	g6							
10	db	Be2	30	Qd2	g6	20	Qd2	g6							
11	Bd6	ed	31	Qd2	g6	21	Qd2	g6							
12	0-0	0-0	32	Qd2	g6	22	Qd2	g6							
13	Ne4	Be7	33	Qd2	g6	23	Qd2	g6							
14	Nf3	Rd8	34	Qd2	g6	24	Qd2	g6							
15	Qc2	Nd7	35	Qd2	g6	25	Qd2	g6							
16	Ng3	Bc5	36	Qd2	g6	26	Qd2	g6							
17	Bc5	Nc5	37	Qd2	g6	27	Qd2	g6							
18	Ng5	g6	38	Qd2	g6	28	Qd2	g6							
19	Qc3	Qb6	39	Qd2	g6	29	Qd2	g6							
20	Kd1	Nd4	40	Qd2	g6	30	Qd2	g6							
SIGNATURE (WHITE) Zhang Xiao yao				SIGNATURE (BLACK) Chen Yuezhen				SIGNATURE (ARBITER) Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:57

Group G12				Round 5				Date 7.17				Board 32			
White Zhang Xiao yao				FED CHN				Result (1)				1/2			
Black Chen Yuezhen				FED CHN				Result (2)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	h7	et	21			11									
2	h8	et	22			12									
3	Qd4	ket	23			13									
4	Qc5	kf6	24			14									
5	Qf8	kg5	25			15									
6	Qg7	kf4	26			16									
7	Qh6	kg4	27			17									
8	Qg6		28			18									
9			29			19									
10			30			20									
11			31			21									
12			32			22									
13			33			23									
14			34			24									
15			35			25									
16			36			26									
17			37			27									
18			38			28									
19			39			29									
20			40			30									
SIGNATURE (WHITE) Zhang Xiao yao				SIGNATURE (BLACK) Chen Yuezhen				SIGNATURE (ARBITER) Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026 7.19

Group 12
Round 5
Board 33

WHITE Ding Shixuan				FID BAN				RESULT (0)			
BLACK Zouwen Mehbish				FID CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bd5	Rd4g	41	Kf4	Kf6			
2	c4	e6	22	Bc4	Bh3	42	h4	g5			
3	Nf3	Nf6	23	Rfe1	as	43	hg	hg			
4	g3	Be7	24	ba	Bc5	44	Kf3	Ke5			
5	Bg2	o-o	25	Ne4	Re4	45	Ke3	g4			
6	o-o	Nbd7	26	ae4	Bf2	46	Kf2	Kf4			
7	Bf4	c6	27	Kh1	Be1	47	Kg2	Bc6			
8	Nbd2	Re8	28	Re1	Rd2	48	Kf2	B			
9	Qc2	Nf8	29	Bd3	g6	49	Kg1	Ke3			
10	e4	Ng6	30	Qf4	Qf4	50	Kf1	g2			
11	Be3	Bf8	31	g5	Rd3	51	Kg1	f4			
12	b3	h6	32	Kg1	Rf3	52	Kh2	Kf2			
13	cs	e5	33	Rd4	Rf4	53	ab	g1=q			
14	b4	a6	34	Kh1	Rf1	54	Kh3	Qg3#			
15	a4	Bg4	35	Rf1	Bf1	55					
16	de	Ne5	36	Kg1	Bc4	56					
17	Ne5	Re5	37	Kf2	Bc3	57					
18	Bd4	Re8	38	Ke3	Bd4	58					
19	Bf6	Qf6	39	Kd4	f5	59					
20	ed	cd	40	Ke3	Kf7	60					
SIGNATURE (WHITE) Ding shixuan				SIGNATURE (BLACK) Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/8/26

Group 12
Round 5
Board 33

WHITE Ding Shixuan				FID CHN				RESULT (0)			
BLACK Zouwen Mehbish				FID BAN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bxd5	Rd4g	41	Kf4	Kf6			
2	c4	e6	22	Bc4	Bh3	42	h4	g5+			
3	Nf3	Nf6	23	Re2	as	43	hxg5+	hxg5+			
4	g3	Be7	24	ae5	Bxc5	44	Kf3	Ke5			
5	Bg2	o-o	25	Ne4	Rxc4	45	Ke3	g4			
6	o-o	Nbd7	26	Qxe4	Bxf2	46	Kf2	Kf4			
7	Bf4	c6	27	Kh2	Bxc2	47	g2	Bc6+			
8	Nbd2	Re8	28	Rxe2	Rd2	48	tf2	g3+			
9	Qc2	Nf8	29	Bd3	g6	49	kg1	Ke3			
10	e4	Ng6	30	Qf4	Qxf4	50	g2+	g2			
11	Be3	Bf8	31	gxf4	Rd3	51	f4	Kf2			
12	b3	h6	32	Kg1	Rf3	52	Kf2	af			
13	cs	e5	33	Ra2	Rxf4	53	ac6	g2=q			
14	b4	a6	34	Kh2	Rf1+	54	Kh3	Qg3#			
15	a4	Bg4	35	Rxf2	Bd2	55					
16	dxa6	Nxa6	36	Kg2	Bc4	56					
17	Nxe5	Rxe5	37	Rf2	Bb5	57					
18	Bd4	Re8	38	Ke3	Bxg4	58					
19	Bxf6	Qxf6	39	Kd4	f5	59					
20	oxd8	cxd8	40	Ke3	Kf7	60					
SIGNATURE (WHITE) Ding shixuan				SIGNATURE (BLACK) Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16:23

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	CH	21	BL	11	CH	21	BL
2	CH	22	BL	12	CH	22	BL
3	CH	23	BL	13	CH	23	BL
4	CH	24	BL	14	CH	24	BL
5	CH	25	BL	15	CH	25	BL
6	CH	26	BL	16	CH	26	BL
7	CH	27	BL	17	CH	27	BL
8	CH	28	BL	18	CH	28	BL
9	CH	29	BL	19	CH	29	BL
10	CH	30	BL	20	CH	30	BL
11	CH	31	BL	21	CH	31	BL
12	CH	32	BL	22	CH	32	BL
13	CH	33	BL	23	CH	33	BL
14	CH	34	BL	24	CH	34	BL
15	CH	35	BL	25	CH	35	BL
16	CH	36	BL	26	CH	36	BL
17	CH	37	BL	27	CH	37	BL
18	CH	38	BL	28	CH	38	BL
19	CH	39	BL	29	CH	39	BL
20	CH	40	BL	30	CH	40	BL

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16:23

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	CH	21	BL	11	CH	21	BL
2	CH	22	BL	12	CH	22	BL
3	CH	23	BL	13	CH	23	BL
4	CH	24	BL	14	CH	24	BL
5	CH	25	BL	15	CH	25	BL
6	CH	26	BL	16	CH	26	BL
7	CH	27	BL	17	CH	27	BL
8	CH	28	BL	18	CH	28	BL
9	CH	29	BL	19	CH	29	BL
10	CH	30	BL	20	CH	30	BL
11	CH	31	BL	21	CH	31	BL
12	CH	32	BL	22	CH	32	BL
13	CH	33	BL	23	CH	33	BL
14	CH	34	BL	24	CH	34	BL
15	CH	35	BL	25	CH	35	BL
16	CH	36	BL	26	CH	36	BL
17	CH	37	BL	27	CH	37	BL
18	CH	38	BL	28	CH	38	BL
19	CH	39	BL	29	CH	39	BL
20	CH	40	BL	30	CH	40	BL

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16:23

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	CH	21	BL	11	CH	21	BL
2	CH	22	BL	12	CH	22	BL
3	CH	23	BL	13	CH	23	BL
4	CH	24	BL	14	CH	24	BL
5	CH	25	BL	15	CH	25	BL
6	CH	26	BL	16	CH	26	BL
7	CH	27	BL	17	CH	27	BL
8	CH	28	BL	18	CH	28	BL
9	CH	29	BL	19	CH	29	BL
10	CH	30	BL	20	CH	30	BL
11	CH	31	BL	21	CH	31	BL
12	CH	32	BL	22	CH	32	BL
13	CH	33	BL	23	CH	33	BL
14	CH	34	BL	24	CH	34	BL
15	CH	35	BL	25	CH	35	BL
16	CH	36	BL	26	CH	36	BL
17	CH	37	BL	27	CH	37	BL
18	CH	38	BL	28	CH	38	BL
19	CH	39	BL	29	CH	39	BL
20	CH	40	BL	30	CH	40	BL

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16:23

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	CH	21	BL	11	CH	21	BL
2	CH	22	BL	12	CH	22	BL
3	CH	23	BL	13	CH	23	BL
4	CH	24	BL	14	CH	24	BL
5	CH	25	BL	15	CH	25	BL
6	CH	26	BL	16	CH	26	BL
7	CH	27	BL	17	CH	27	BL
8	CH	28	BL	18	CH	28	BL
9	CH	29	BL	19	CH	29	BL
10	CH	30	BL	20	CH	30	BL
11	CH	31	BL	21	CH	31	BL
12	CH	32	BL	22	CH	32	BL
13	CH	33	BL	23	CH	33	BL
14	CH	34	BL	24	CH	34	BL
15	CH	35	BL	25	CH	35	BL
16	CH	36	BL	26	CH	36	BL
17	CH	37	BL	27	CH	37	BL
18	CH	38	BL	28	CH	38	BL
19	CH	39	BL	29	CH	39	BL
20	CH	40	BL	30	CH	40	BL

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 14-07-26 Round: 35

WHITE Thadav Htet Ko				FID M9A				RESULT (F)			
BLACK Aishahli Noga Shahruddeen Shareef				FID MDU				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc2	Nx8d4	41					
2	Nf3	Nc6	22	Qd1	Nc2+	42					
3	Bc4	Bc5	23	Kh2	Ne3	43					
4	c3	Nf6	24			44					
5	d4	e4d4	25			45					
6	cxd4	Bb6	26			46					
7	Nc3	d6	27			47					
8	Qc3	0-0	28			48					
9	Bg5	h6	29			49					
10	Bh4	Re8	30			50					
11	0-0	Qe7	31			51					
12	Nd5	Qd8	32			52					
13	Qb3	g5	33			53					
14	Nxb6	axb6	34			54					
15	Bxf7+	Kh8	35			55					
16	Bxe8	Qxe8	36			56					
17	Bg3	Qxe4	37			57					
18	Qc3	Nd5	38			58					
19	Qd2	Bxh3	39			59					
20	gxf3	Qxf3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Thadav				SIGNATURE (BLACK) Aishahli				SIGNATURE (ARBITER) Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2006-7-19 Round: 75

WHITE Thadav Htet Ko				FID 0				RESULT (F)			
BLACK Aishahli Noga Shahruddeen Shareef				FID 1407				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc2	Nxd4	41					
2	Nf3	Nc6	22	Qd1	Ne2+	42					
3	Bc4	Bc5	23	Kh2	Ne3	43					
4	c3	Nf6	24			44					
5	d4	exd4	25			45					
6	cxd4	Bb6	26			46					
7	Nc3	d6	27			47					
8	h3	0-0	28			48					
9	Bg5	h6	29			49					
10	Bh4	Re8	30			50					
11	0-0	Qe7	31			51					
12	Nd5	Qd8	32			52					
13	Qb3	g5	33			53					
14	Nxb6	axb6	34			54					
15	Bxf7+	Kh8	35			55					
16	Bxe8	Qxe8	36			56					
17	Bg3	Qxe4	37			57					
18	Qc3	Nd5	38			58					
19	Qd2	Bxh3	39			59					
20	gxb3	Qxf3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Thadav				SIGNATURE (BLACK) Aishahli				SIGNATURE (ARBITER) Fang			